

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



TIÊU LAN HƯƠNG

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC
VÀ VIỆC GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC
CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2014 | PDF | 92 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng, 2014

Ộ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



TIÊU LAN HƯƠNG

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC
VÀ VIỆC GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC
CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN HIỆN NAY**

Chuyên ngành: TRIẾT HỌC

Mã số: 60.22.80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn: TS. NGUYỄN VĂN THANH

Đà Nẵng, 2014

LỜI CAM ĐOAN

၂၅၆၈

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.
Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai
công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

Đà Nẵng, tháng ... năm 2014

Tác giả luận văn

Tiêu Lan Hương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	3
CHƯƠNG 1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC.....	5
1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC.....	5
1.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin - Nguồn gốc lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.....	5
1.1.2. Hoạt động thực tiễn - Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc	9
1.2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC	14
1.2.1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc	15
1.2.2. Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế.....	17
1.2.3. Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập.....	23
1.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	27
1.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân.....	29
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	32

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	33
2.1. THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC, Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA THANH NIÊN, SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	33
2.1.1. Vai trò của thanh niên, sinh viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.....	33
2.1.2. Thực trạng nhận thức của thanh niên, sinh viên về vấn đề dân tộc, bảo vệ Tổ quốc	36
2.2. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN HIỆN NAY	43
2.2.1. Tầm quan trọng của công tác giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên	43
2.2.2. Vấn đề giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay	46
2.2.3. Nguyên nhân	52
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	59
CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN HIỆN NAY.....	60
3.1. CƠ SỞ KHÁCH QUAN ĐỂ XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP	60
3.1.1. Truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam	60
3.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc là nền tảng tư tưởng, kinh chỉ nam cho hành động của Đảng, Nhà nước trong công tác giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên	61

3.1.3. Năm vững quan điểm bảo vệ Tổ quốc của Đảng trong tình hình hiện nay.....	63
3.2. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY.....	65
3.2.1. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền cho thanh niên hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”	65
3.2.2. Cung cấp kiến thức mới nhất về thời sự chính trị an ninh quốc phòng, đặc biệt là vấn đề chủ quyền biển, đảo hiện nay.....	67
3.2.3. Sử dụng có hiệu quả các kênh truyền hình thông đại chúng dành cho giới trẻ	71
3.2.4. Triển khai môn học giáo dục quốc phòng với nội dung kiến thức phù hợp cho thanh niên, sinh viên	72
3.2.5. Kịp thời, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài	74
3.2.6. Đẩy mạnh hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng của Đoàn thanh niên đối với thanh niên, sinh viên.....	75
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	78
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	79
1. Kết luận.....	79
2. Kiến nghị và đề xuất.....	80

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề dân tộc, bảo vệ dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là một nội dung có ý nghĩa chiến lược lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin và của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là vấn đề thực tiễn nóng bỏng đòi hỏi giải quyết một cách đúng đắn.

Trong tình hình hiện nay nhiều cuộc xung đột dân tộc, nhiều “điểm nóng” về dân tộc trên thế giới đang diễn ra gay gắt, trong khi đó mối quan hệ giữa các dân tộc anh em nước ta vẫn giữ được thế ổn định, đó là thành công lớn trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta. Tuy nhiên chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng các mối quan hệ dân tộc vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố có thể gây bất ổn đang đòi hỏi chúng ta phải tinh táo, nhạy bén, giải quyết kịp thời tránh những diễn biến phức tạp.

Đặc biệt, hiện nay, đối tượng thanh niên, sinh viên là một bộ phận xã hội vô cùng quan trọng, chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu dân số, là nguồn nhân lực chủ đạo thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đại diện cho thế hệ người Việt Nam trong tương lai rất gần và là những con người đưa đất nước sánh vai cùng với các cường quốc năm châu. Do vậy, công tác giáo dục ý thức chính trị, ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thế hệ trẻ hôm nay cần phải càng được quan tâm, chú ý.

Việc nhận thức đúng đắn quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc đã giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên cả nước nói chung và góp phần tích cực trong việc giáo dục, nâng cao ý thức dân tộc, bản lĩnh chính trị vững vàng cho thế hệ trẻ nói riêng.

Muốn vậy, cần phải nắm vững những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bảo vệ Tổ quốc sẽ giúp chúng ta có cơ sở khoa học để đánh giá đúng, đầy đủ tầm quan trọng của sức mạnh dân tộc, thực trạng về nhận thức của thanh niên, sinh viên về vai trò của

bản thân trong công tác quốc phòng, vệ quốc. Từ đó, đưa ra những giải pháp định hướng tốt hơn giúp nâng cao công tác giáo dục, tuyên truyền cho thanh niên, sinh viên về vấn đề dân tộc nhằm ổn định tình hình chính trị, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế xã hội.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và việc giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên hiện nay ”* là việc làm cần thiết và có ý nghĩa nhất định.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Góp phần làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và việc vận dụng quan điểm đó vào việc phân tích, đánh giá tình hình, thực trạng về nhận thức vấn đề dân tộc, ý thức bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ giống nòi của thế hệ trẻ - thanh niên, sinh viên. Trên cơ sở đó, đưa ra những giải pháp định hướng cho việc thực hiện công tác giáo dục, nâng cao ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn giải quyết những vấn đề sau:

- Nghiên cứu hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.

- Nghiên cứu thực trạng nhận thức của thanh niên, sinh viên về ý nghĩa, vai trò của công tác quốc phòng, bảo vệ biên giới quốc gia, chi ra nguyên nhân.

- Qua đó đã nêu lên một số đề xuất, kiến nghị, giải pháp nhằm định hướng cho việc thực hiện công tác giáo dục, nâng cao ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và việc giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

* Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giáo dục ý thức chính trị cho thanh niên, sinh viên hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời kết hợp một số phương pháp nghiên cứu khác như: Phân tích – tổng hợp, lôgic – lịch sử, khái quát...

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong nhiều năm qua có rất nhiều công trình nghiên cứu trực tiếp và gián tiếp phản ánh những mức độ và khía cạnh khác nhau về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như:

“Một số suy nghĩ trong việc vận dụng Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của tác giả Trần Đình Huỳnh, tạp chí Dân tộc học. Tác phẩm đã nêu lên việc công tác dân tộc, tầm chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa, để có những quyết sách chiến lược nhằm đẩy mạnh việc phát triển kinh tế xã hội làm cơ sở vững chắc cho việc cố kết các tộc người để cùng cố tính thống nhất, hòa hợp giữa các dân tộc Việt Nam phải điều tra một cách cơ bản và có hệ thống từng dân tộc, từng vùng, phải hiểu biết con người, lịch sử, văn hóa, truyền thống, những điều kiện tự nhiên và các quan hệ của con người để làm cơ sở cho việc định ra nội dung, chính sách, hình thức, bước đi và cách thức tổ chức thực hiện phù hợp, trên cơ sở đó của tác giả Trần Đình Huỳnh, tác giả đã kế thừa

những quan điểm, chiến lược và phải biết phong tục tập quán của từng dân tộc để có những chính sách phù hợp nhằm phát triển vấn đề dân tộc.

Tác giả: Phan Hữu Dật với *“Về việc xác định các dân tộc, các nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng”* bài viết đã đề cập đến các nguyên tắc cơ bản, chính sách dân tộc của Lê nin và các nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng ta Từ bài viết trên tôi đã học hỏi thêm về các nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc.

“Đổi mới tư duy trong nghiên cứu lí luận và thực tiễn vấn đề dân tộc nước ta để thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng ta trong giai đoạn mới” của Hoàng Tường Minh. *“Chính sách Lênin nít về dân tộc trong thực tiễn cách mạng”* của Đỗ Tư. *“Tư tưởng của V.I. Lênin về quyền con người và giá trị thực tiễn ở Việt Nam”* của Hoàng Mai Hương, Nguyễn Hồng Hải.

Ngoài ra còn nhiều tài liệu, Tạp chí triết học, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí lí luận chính trị, và các tác phẩm của các nhà kinh điển, các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nhà khoa học đầu ngành, các cán bộ công tác lí luận chính trị.

Những công trình trên có giá trị khoa học cao, nhìn một cách tổng quát các công trình đó đã giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Những vấn đề trên đã chỉ dẫn, gợi ý hết sức quý báu cho việc triển khai nội dung nghiên cứu khóa luận. Tuy nhiên cho đến nay chưa có một đề tài nào làm rõ việc vận dụng quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong việc giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở kế thừa những tài liệu đã có của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc. Tác giả đã chọn đề tài này làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

CHƯƠNG 1

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1.1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin - Nguồn gốc lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

Dân tộc là một vấn đề rộng lớn được C.Mác và Ph. Ăngghen đặc biệt chú ý trong quá trình xây dựng học thuyết của mình. Hai ông đã nêu ra các quan điểm cơ bản có tính chất phương pháp luận để nhận thức và giải quyết những vấn đề về nguồn gốc, bản chất của vấn đề dân tộc, những quan hệ cơ bản của dân tộc. Một trong những mục đích nghiên cứu vấn đề dân tộc của các ông là trả lời câu hỏi: Giai cấp công nhân có thái độ như thế nào đối với dân tộc? Xử lý như thế nào trong mối quan hệ dân tộc với giai cấp? Như thế các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã xem xét vấn đề dân tộc trong mối liên hệ chặt chẽ với triển vọng của cách mạng vô sản ở Châu Âu.

C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đã đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò độc lập dân tộc trong cuộc đấu tranh giai cấp. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chứng minh rằng, quá trình ra đời và thay đổi của các hình thức cộng đồng người trong lịch sử, xét cho đến cùng đều có nhân tố kinh tế. Mỗi hình thức cộng đồng người nói chung đều tương ứng với một phương thức sản xuất nhất định. Trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức” C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Không phải chỉ riêng những quan hệ dân tộc này với dân tộc khác mà toàn bộ kết cấu bên trong của bản thân dân tộc đó đều phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất và sự giao tiếp bên trong và bên ngoài dân tộc ấy” [18, tr.30]. Khi nghiên cứu về sự hình thành dân tộc tư sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đi đến kết luận: “Dân tộc là một sản vật và hình thức tất nhiên của thời đại tư sản trong quá trình phát triển xã hội”. [20, tr.88]

Kế thừa tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen, khi nghiên cứu về dân tộc V.I Lênin làm rõ thêm nội dung khái niệm dân tộc và sự hình thành dân tộc, nó trở thành một hệ thống lý luận toàn diện, sâu sắc về vấn đề dân tộc, làm cơ sở cho cương lĩnh, đường lối, chính sách của các Đảng cộng sản kiểu mới về vấn đề dân tộc.

Theo quan điểm của V.I Lênin, dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Trước dân tộc là những hình thức cộng đồng tiền dân tộc như thị tộc, bộ tộc, bộ lạc. V.I. Lênin đấu tranh kiên quyết chống lại các biến tướng của chủ nghĩa duy tâm, xem dân tộc dường như phát sinh từ mảnh đất trống rỗng, không phải là kết quả của quá trình phát triển liên tục của lực lượng sản xuất, của sự phát triển các hình thức tộc người. V.I. Lênin cũng đã nêu ra cương lĩnh về quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và đấu tranh không mệt mỏi cho quyền bình đẳng và quyền tự quyết đó trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự ra đời của các nhà nước dân tộc Tư bản chủ nghĩa. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc thi hành chính sách vũ trang xâm lược cướp bóc, nô dịch các dân tộc nhược tiểu, vấn đề dân tộc trở nên gay gắt, từ đó xuất hiện vấn đề dân tộc và thuộc địa. Sau cách mạng Tháng Mười Nga, sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh, dẫn đến sự tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, nhiều nước thuộc địa cũ trở thành các quốc gia dân tộc độc lập.

Khi bàn về sự phát triển của vấn đề dân tộc, V.I. Lênin đã đề cập hai hướng phát triển của vấn đề dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản.

Xu hướng thứ nhất, ở những quốc gia, khu vực tư bản chủ nghĩa gồm nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc tộc người làm ăn, sinh sống. Đến một

thời kỳ nào đó, sự trưởng thành của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh đầy đủ về quyền sống của mình mà các cộng đồng dân cư đó muốn tách khỏi nhau để thành lập các dân tộc độc lập. Bởi vì họ hiểu rằng, chỉ trong cộng đồng dân tộc độc lập họ mới có quyền quyết định vận mệnh của mình mà cao nhất là quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Xu hướng thứ nhất chiếm ưu thế trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản mới phát triển, còn xu hướng thứ hai là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản già cỗi sắp chuyển sang xã hội xã hội chủ nghĩa. Cả hai xu hướng đều phát triển trong điều kiện đối kháng giai cấp gay gắt. Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa dân tộc tư sản không thể giải quyết được vấn đề dân tộc mà chỉ làm cho mối xung đột dân tộc ngày càng tăng lên. Chỉ có cách mạng vô sản và chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở thủ tiêu ách áp bức giai cấp và áp bức dân tộc, mới tạo điều kiện để thực hiện sự bình đẳng dân tộc và xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc, làm cho các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau. Từ đó V.I.Lênin yêu cầu các Đảng cộng sản phải đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa Sôvanh, giành thắng lợi cho chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Xtalin trong đấu tranh chống “chủ nghĩa duy tâm” đã có một định nghĩa khẳng định tính ổn định, tính lịch sử của cộng đồng dân tộc, nêu bật các đặc trưng cơ bản của dân tộc trong sự thống nhất biện chứng của nó. Ông viết “Dân tộc là một khối cộng đồng ổn định, thành lập trong lịch sử, dựa trên cơ

sở cộng đồng về tiếng nói, về lãnh thổ, về sinh hoạt kinh tế và hình thức tâm lý, biểu hiện trong cộng đồng văn hóa” [32, tr.43].

Như vậy dân tộc và sự phát triển của dân tộc không chỉ chịu sự chi phối của quy luật kinh tế - xã hội mà còn chịu sự chi phối của quy luật phát triển tộc người. Bởi vì, quy luật kinh tế - xã hội giữ vai trò quyết định nhất, song nếu chưa có sự chín muồi của nhân tố tộc người thì dân tộc cũng chưa thể xuất hiện. Vì vậy, có thể nói dân tộc là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và tộc người.

Tóm lại, theo quan điểm Mác – xít, khái niệm dân tộc có thể hiểu theo hai theo hai nghĩa cơ bản sau:

Thứ nhất, dân tộc là chỉ một cộng đồng người, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung sinh hoạt kinh tế, có ngôn ngữ riêng, văn hóa có những đặc thù; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc; Kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và trở thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó.

Thứ hai, dân tộc là một cộng đồng người ổn định, làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ quốc gia, có nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Đối với dân tộc Việt Nam, được hình thành sớm và phát triển bền vững là do truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm, một đất nước phải thường xuyên đương đầu với các thế lực ngoại xâm lớn mạnh, đòi hỏi các tộc người trong cả nước phải đoàn kết lại, mọi sự chia rẽ đều trái với lợi ích và truyền thống dân tộc. Vì vậy, ngoài ý thức là thành viên của một tộc người, tất cả mọi người sống trên lãnh thổ Việt Nam đều thấy trong mình có dòng máu chung, dòng máu dân tộc Việt Nam. Tinh thần đoàn kết đã trở thành sức

mạnh to lớn giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách để giành thắng lợi trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đó là một truyền thống tốt đẹp, là niềm kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam, một nhân tố tạo nên tính bền vững của cộng đồng người Việt Nam.

1.1.2. Hoạt động thực tiễn - Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

Trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh, việc sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam, xác lập đường lối, mục tiêu, chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam là một dấu mốc trong quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là quá trình nhận thức của Người từ thấp đến cao, từ hành trang tư tưởng trước khi ra đi tìm đường cứu nước đến nhận thức lý luận để vận dụng vào cách mạng Việt Nam. Trong hệ thống tư tưởng đó có quá trình hình thành quan điểm về dân tộc, mối quan hệ dân tộc với giai cấp và con đường giải phóng dân tộc.

Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân văn, nhân ái là sự thấm nhuần truyền thống lịch sử dân tộc, nhưng trước hết được bắt nguồn từ tấm gương gia đình và truyền thống quê hương. Những bài học Hồ Chí Minh từng học thời trai trẻ đã vun đắp cho người lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc. “Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch” (mỗi bữa không quên ghi sử sách) – lời của người xưa được cụ Phan Bội Châu ngâm nga cũng là điều lúc trẻ Hồ Chí Minh thường tâm niệm. Nếu không có điều này thì làm sao có được sự kiện sau hơn ba mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước, khi trở về Tổ quốc, Hồ Chí Minh đã biên soạn cuốn *Lịch sử nước ta* bằng thơ lục bát nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, yêu nước cho cán bộ và nhân dân với lời mở đầu tha thiết:

“Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” [31, tr.47-48]

Ở tuổi hai mươi, người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Động lực khiến Người ra đi – như Người đã nói với nhà văn Mỹ Anna Luxtơrông: “Nhân dân Việt Nam trong đó có cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi sự thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác lại nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi” [31]. Vào thời điểm này Hồ Chí Minh biết rất rõ có ba con đường và giải pháp của các nhà yêu nước để dành độc lập cho dân tộc. Đó là các nhà yêu nước: Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh. Mặc dù rất kính trọng tinh thần nhiệt huyết của các cụ nhưng Hồ Chí Minh đã không đi theo con đường các cụ đã đi, câu hỏi mà Hồ Chí Minh đặt ra là: Tại sao các cụ thất bại? Tại sao các nước phương Tây giàu mạnh? Cái gì ẩn chứa đằng sau câu châm ngôn “tự do - bình đẳng - bác ái”? Đó chính là lý do khiến Người ra đi tìm đường khác, và Người chọn hướng sang Pháp và các nước phương Tây. Đi để tìm con đường cứu nước, đi để tìm giải pháp giải phóng cho quê hương, giành độc lập cho dân tộc. “Đây là sự khước từ cái sai để đi tìm cái đúng. Đây là sự từ bỏ cái lỗi thời để đi tìm cái tiên tiến phù hợp với thời đại mới. Đây chính là sự khẳng định một bản lĩnh, một khả năng suy nghĩ độc lập và sáng tạo mà lịch sử đang đòi hỏi”. [12, tr.11]

Gia nhập đội ngũ những người lao động Pháp và nhiều nước khác, gần mười năm lao động chân tay, vừa đi làm, vừa học, nhận thức của Hồ Chí Minh về những người lao động – đặc biệt là nhân dân lao động các nước thuộc địa càng thêm phong phú. Từ lòng yêu nước, ý chí độc lập cho dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nhận ra rằng, những người lao động bị áp bức ở các nước thuộc địa đều có nguyện vọng chung là độc lập cho dân tộc mình, tự do cho nhân dân; họ đều rất căm thù chủ nghĩa thực dân và coi chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa.

Hòa nhập với cuộc sống của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh có điều kiện giao tiếp với nhiều tri thức tiến bộ Pháp và một số nước khác. Điều kiện đó đã giúp Người nâng cao nhận thức của mình. Nếu như trước đó ở Người mới chỉ là ý thức dân tộc, yêu nước thì nhờ những điều kiện đó mà nhận thức của Người về vấn đề dân tộc, mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế đã nảy sinh và dần dần phát triển.

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước đế quốc thắng trận họp nhau để phân chia lại thị trường thế giới. Họ hứa hẹn việc trao trả độc lập chủ quyền cho các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh đã gửi “Yêu sách của người dân An Nam” đến hội nghị Vecxây đòi quyền tự quyết dân tộc nhưng không được đáp ứng. Hồ Chí Minh hiểu ra rằng, những lời hứa hẹn về quyền tự quyết “chỉ là một trò bịp”, và Người khẳng định: Các dân tộc phải tự mình tiến hành giải phóng, không thể trông chờ vào việc rủ lòng thương của chủ nghĩa đế quốc.

Hồ Chí Minh đã tham gia Đảng xã hội Pháp và hoạt động rất hăng hái trong tổ chức này. Người đã viết báo đăng trên các tờ báo Pháp, viết cuốn sách *Những người bị áp bức* tố cáo những tội ác và sự thối nát của chủ nghĩa thực dân ở các nước thuộc địa. Người tham gia tích cực vào các hoạt động của ủy ban vận động Đảng Xã hội Pháp, gia nhập Quốc tế III; Người hoan nghênh Cách mạng tháng Mười và tham gia quyên góp ủng hộ công nhân Nga chống nạn đói và sự can thiệp của các nước đồng minh đế quốc. Trong những hoạt động ấy Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý việc tìm hiểu về những người Bôn-sê-vích, về cách mạng Tháng Mười Nga và đã trình bày đề tài nghiên cứu của chủ nghĩa Bôn-sê-vích ở Châu Á, diễn thuyết trước thanh niên quận 13 Pari về chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh đã từng vui mừng phấn khởi “đến phát khóc lên” khi đọc

Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Ngồi một mình trong phòng, Người nói to lên như nói trước đông đảo quần chúng bị áp bức: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta” [31, tr 91]. Ngay sau đó, từ Pari Người viết thư gửi Quốc tế cộng sản và nói rõ luận cương của Lênin đã ảnh hưởng sâu sắc đến thế giới quan của mình. Người khẳng định dứt khoát tin theo Lênin và Quốc tế cộng sản.

Điều gì khiến Hồ Chí Minh khi nghiên cứu luận cương của Lênin đã đi đến khẳng định rõ ràng và chính xác thế giới quan và lập trường của mình? Đặc biệt về vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc?

Trước hết, phải khẳng định là do nội dung tư tưởng chiến lược về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa mà Lênin đã nêu ra. Đó là quyền được độc lập của các dân tộc thuộc địa; là quyền tự quyết dân tộc nói chung phải bao gồm cả quyền tự quyết của các dân tộc thuộc địa.

Luận cương của Lênin đã chỉ rõ, những người cách mạng ở các nước thuộc địa phải đoàn kết chặt chẽ với nhân dân ở các nước chính quốc, không để những tư tưởng quốc gia dân tộc hẹp hòi mê hoặc; còn những người cách mạng ở chính quốc phải tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ở các nước thuộc địa; những nước cách mạng vô sản thành công phải giúp đỡ nhân dân các nước thuộc địa làm cách mạng và phải coi đây là nhiệm vụ chung của cách mạng vô sản quốc tế.

Với những nội dung cơ bản từ Luận cương của Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm được lời giải đáp ngắn gọn, sáng tỏ những nội dung chính yếu về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc và những biện pháp cơ bản nhằm đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi.

Thông thường, từ sự giác ngộ ý thức giai cấp công nhân mới đi tới giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lênin, nhưng ở Hồ Chí Minh thì điểm xuất phát lại từ ý

thức về việc giải phóng dân tộc mình. Ngay cả khi đã đi đến chủ nghĩa Mác – Lênin, Người vẫn coi vấn đề giải phóng dân tộc là vấn đề cấp bách nhất. Ngay sau lúc bỏ phiếu tán thành gia nhập quốc tế cộng sản, được nữ đồng chí Rôđơ, người ghi biên bản Đại hội 18 Đảng xã hội Pháp hỏi: “Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc tế III?”. Người trả lời: “Rất giản đơn. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác! Nhưng tôi hiểu rõ một điều, Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa... tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu” [31, tr.105]. Như vậy, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác – Lênin qua cửa ngõ của chủ nghĩa yêu nước chân chính, cửa ngõ đấu tranh giai cấp. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước chân chính đã hòa quyện cả tinh thần dân tộc với tinh thần giai cấp; cả tinh thần đoàn kết giai cấp vô sản quốc tế với các dân tộc bị áp bức. Khẩu hiệu của Lênin: “Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại” đã thể hiện một cách nhuần nhuyễn ở Người.

Quá trình nhận thức về dân tộc, mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, về con đường giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản đã được từng bước thể hiện và ngày càng hoàn thiện, từ *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường Cách mệnh* đến *Chính cương vắn tắt, điều lệ vắn tắt...* đã thể hiện đầy đủ điều đó. Người xác định, cách mạng giải phóng dân tộc nhưng phải theo con đường cách mạng vô sản, cách mạng Tháng Mười Nga.

Như vậy, từ tinh thần yêu nước đã hình thành ở Hồ Chí Minh ý thức giai cấp của giai cấp vô sản. Từ sự đồng cảm của người dân nô lệ bị chủ nghĩa thực dân áp bức, bóc lột, ở Hồ Chí Minh đã hình thành tình cảm quốc tế vô sản. Đó cũng là bước chuyển biến căn bản trong tình cảm và ý thức của Hồ Chí Minh. Đó cũng là nền tảng cực kỳ quan trọng để người thanh niên Việt Nam yêu nước Nguyễn Tất Thành tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng cách mạng và khoa học nhất của thời đại.

Có thể nói: “Sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh diễn ra cũng giống như sự phát triển của thực tiễn cách mạng Việt Nam trong sự tác động, thúc đẩy lẫn nhau giữa cái dân tộc và cái giai cấp” [17, tr.41]. Ý thức giác ngộ về giải phóng dân tộc là tiền đề quyết định nhất, cũng là động lực chủ yếu để Hồ Chí Minh đến với hệ tư tưởng của giai cấp vô sản là chủ nghĩa Mác – Lênin. Đến lượt mình, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản trở thành kim chỉ nam, thành nền tảng tinh thần cho công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam, là cơ sở khoa học cho sự phát triển chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

1.2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Trên cơ sở lý luận Chủ nghĩa Mác – Lênin và qua thực tiễn hoạt động cách mạng, quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc được hình thành. Nhưng vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh đề cập ở đây không phải là vấn đề dân tộc nói chung mà là vấn đề dân tộc thuộc địa. Bởi vì xuất phát từ thực tiễn khi chủ nghĩa đế quốc đi xâm chiếm thuộc địa để mở rộng thị trường, thực hiện sự áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa đối với các nước bị xâm chiếm, thì vấn đề dân tộc trở thành vấn đề dân tộc thuộc địa.

Vấn đề dân tộc thuộc địa thực chất là vấn đề đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa nhằm thủ tiêu sự thống trị của nước ngoài, giành độc lập dân tộc, xóa bỏ ách áp bức, bóc lột thực dân, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Ở thời đại mà chủ nghĩa đế quốc trở thành hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản, việc nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc như thế nào có quan hệ đến toàn bộ đường lối, chiến lược, sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc.

Vấn đề dân tộc mà Hồ Chí Minh đề cập đến trong tư tưởng của mình được thể hiện tập trung chủ yếu ở các nội dung về quyền dân tộc, quan hệ

giữa dân tộc và giai cấp và quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

1.2.1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Lịch sử Việt Nam là lịch sử không ngừng đấu tranh dựng nước và giữ nước. Tinh thần yêu nước luôn luôn đứng hàng đầu của bảng giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam.

Đối với một người dân mất nước, cái quý nhất trên đời là độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân. Hồ Chí Minh cho rằng tất cả các dân tộc trên thế giới đều bình đẳng; tức độc lập tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Sinh ra trong cảnh nước mất nhà tan, tận mắt chứng kiến sự chà đạp của ngoại bang lên tự do độc lập của đất nước, được kết tinh, hun đúc từ tinh thần nồng nàn yêu nước của người dân nước Việt, Người thấu hiểu rằng: đối với một người dân mất nước, cái quý nhất trên đời là độc lập của tổ quốc, tự do của nhân dân. Trên đường tiếp cận chân lý cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận những tư tưởng bất hủ trong Tuyên ngôn độc lập 1776 của Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791 của cách mạng Pháp. Từ những tinh hoa của dân tộc và thế giới, Người đã khái quát nên chân lý bất di bất dịch, lẽ phải không ai có thể chối cãi được: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Đây là một tư tưởng vĩ đại, chẳng những mang tính quốc tế, tính thời đại rộng lớn mà còn mang tính nhân văn sâu sắc.

Năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết thiêng liêng đã được các đồng minh thắng trận long trọng thừa nhận, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, dưới tên ký Nguyễn Ái Quốc, Người đã gửi đến Hội nghị Vécxây bản yêu sách 8 điểm đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Đây là hình thức thử nghiệm đầu tiên của Hồ Chí Minh về sử dụng

pháp lý tư sản trong đấu tranh bằng phương pháp hòa bình. Bản yêu sách tập trung vào hai nội dung cơ bản: Một là, đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người bản xứ Đông Dương như đối với người Châu Âu là phải xóa bỏ tòa án đặc biệt dùng làm công cụ khủng bố đàn áp bộ phận trung thực nhất trong nhân dân; phải xóa bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh và thay thế chế độ ra các đạo luật. Hai là, đòi các quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân, đó là các quyền tự do ngôn luận, báo chí, tự do lập hội, tự do đi lại...

Trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, một người Việt Nam chưa có tên tuổi, giữa sào huyệt của kẻ thù, dám đưa ra yêu sách về “quyền của các dân tộc” là một hành động yêu nước dũng cảm; biết đưa ra những đòi hỏi trong phạm vi cải cách dân chủ là một hành động tài trí khôn ngoan.

Bản yêu sách không được đáp ứng nhưng nó đã gây tiếng vang lớn. Lần đầu tiên một con người của một dân tộc bị lệ thuộc đã đứng lên đòi quyền độc lập cho dân tộc mình. Qua đó, Nguyễn Ái Quốc rút ra bài học: Muốn giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

Độc lập dân tộc, theo Hồ Chí Minh, phải là độc lập thật sự và độc lập hoàn toàn. Tức là, dân tộc đó phải có đầy đủ chủ quyền (về chính trị, kinh tế, an ninh, v.v.) và toàn vẹn lãnh thổ, chứ không phải là chiếc bánh vẽ mà người khác (bọn thực dân, đế quốc) bố thí. Độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn, theo Người, phải được hiểu một cách đơn giản: nước Việt Nam là của người Việt Nam, mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia Việt Nam phải do người Việt Nam tự giải quyết. Và giá trị đích thực của độc lập dân tộc phải được thể hiện bằng quyền tự do hạnh phúc của nhân dân, mà theo Người, độc lập dân tộc là đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Tư tưởng độc lập dân tộc, khát vọng độc lập dân tộc của Người được thể hiện ở tinh thần “thà hy sinh tất cả”, “dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn” và vượt lên tất cả là tinh thần “không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Hồ Chí Minh luôn giương cao ngọn cờ đấu tranh vì độc lập dân tộc, song người cũng là hiện thân của khát vọng hoà bình. Đó là tư tưởng độc lập dân tộc trong hoà bình chân chính của Người. Tinh thần “chúng ta muốn hoà bình” đã dẫn dắt nhân dân ta chiến đấu và chiến thắng mọi thế lực xâm lược ngoại bang.

Có thể nói, tinh thần “không có gì quý hơn độc lập tự do” là tư tưởng và lẽ sống của Hồ Chí Minh. Nó là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Vì lẽ đó, Người không chỉ được tôn vinh là “Anh hùng giải phóng dân tộc” của Việt Nam mà còn là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX.

1.2.2. Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp thực chất là quan hệ về lợi ích trên phạm vi thế giới. Học thuyết Mác thực chất là học thuyết về đấu tranh giai cấp. Tuy vậy, Học thuyết Mác không hề coi nhẹ vấn đề dân tộc. Lênin cũng là người ưu tiên cho cả vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc.

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc với giai cấp, Hồ Chí Minh đã đưa ra những luận điểm mới và sáng tạo, góp phần bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin. Theo Người, ở các nước thuộc địa “chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước”. Người phân tích, do kinh tế còn lạc hậu, chưa phát triển nên sự phân hoá giai cấp ở nước ta và nhiều nước thuộc địa khác chưa triệt để, mâu thuẫn chưa đến mức đối kháng quyết liệt. Ở những nước thuộc địa như nước ta, mâu thuẫn giữa dân tộc với chủ nghĩa đế quốc quyết liệt hơn mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ, giữa công nhân với tư sản. Do

đó, trong bối cảnh này không thể giải quyết vấn đề giai cấp rồi mới giải quyết vấn đề dân tộc như ở các nước tư bản phương Tây được, mà chỉ có thể giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp, quyền lợi dân tộc, đất nước phải đặt lên trên quyền lợi giai cấp. Xuất phát từ luận điểm trên, Hồ Chí Minh từng kiến nghị Cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản theo hướng phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản, khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng, nhất định nó sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc với chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, coi đó là một động lực lớn mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy, không để ngọn cờ dân tộc rơi vào tay giai cấp nào khác, phải nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp vô sản, kết hợp chủ nghĩa dân tộc với chủ nghĩa quốc tế.

Theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp hài hoà giữa lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp trên phạm vi quốc tế và quốc gia.

Người cho rằng, cần phải đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc lên trên. Cơ sở của luận điểm này đó là trước mặt kẻ thù áp bức thì quyền lợi dân tộc và giai cấp là thống nhất. Có độc lập dân tộc thì giai cấp mới được tự do hoàn toàn, mới có điều kiện để thoả mãn quyền lợi của giai cấp mình. Bác nhấn mạnh vấn đề dân tộc nhưng hoàn toàn không mâu thuẫn với vấn đề giai cấp. Có thể nói, Hồ Chí Minh đã đứng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc.

Trong hoạt động thực tiễn, Người cũng đã vận dụng chính quan điểm mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc.

Hồ Chí Minh coi trọng chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa dân tộc chân chính. Người xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người đấu tranh cho dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác. Chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh là sự

giải phóng dân tộc, hạnh phúc của dân tộc, sự bình đẳng với các dân tộc khác. Điều này khác với chủ nghĩa dân tộc cực đoan, vị kỉ.

Độc lập dân tộc, theo Hồ Chí Minh, là phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ngay từ khi tiếp cận Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, Hồ Chí Minh đã hình thành đường lối cứu nước: giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người nói: “Cả hai cuộc giải phóng này (dân tộc và giai cấp) chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.” Tiếp đó, ngay trong Chính cương, Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam tháng 2/1930, Hồ Chí Minh đã xác định cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng (tức cách mạng dân tộc-dân chủ) để đi tới xã hội cộng sản. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó thống nhất giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Xoá bỏ ách áp bức dân tộc mà không xoá bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải phóng. Người nói: “Nếu nước độc lập mà dân không được hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì.” Do đó giành được độc lập rồi, thì phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Như vậy, ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã phát triển thành chủ nghĩa yêu nước hiện đại, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt và bao trùm trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đặc sắc ấy thể hiện

nhất quán mục tiêu của con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn, nó vừa đáp ứng được yêu cầu bức xúc của dân tộc và khát vọng của quần chúng nhân dân giành lấy độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc, giải phóng cuộc đời lầm than, đói khổ dưới ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, đế quốc và bè lũ tay sai. Tư tưởng ấy đã đưa dân tộc ta đến độc lập, tự do, nước nhà Bắc – Nam thống nhất và ngày nay, đó là nguồn sức mạnh trong sự nghiệp xây dựng một xã hội Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa: Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Vượt qua giới hạn của những nhà yêu nước đương thời Hồ Chí Minh phát hiện ra con đường cứu dân, cứu nước. Chúng ta tự hào với lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh kiên cường và bền bỉ để giữ vững độc lập dân tộc của dân tộc ta. Khi nước nhà bị bọn xâm lược giày xéo thì dân tộc không có khát vọng nào cao hơn là giành độc lập dân tộc. Nhưng chúng ta vẫn biết là không phải bất cứ lúc nào những người con yêu nước của dân tộc cũng tìm thấy cho mình con đường cứu dân, cứu nước đúng đắn. Thực tiễn khi thực dân Pháp xâm lược nước ta cho đến những năm đầu của thế kỷ XX cho thấy, nhân dân ta, các thế hệ nối tiếp nhau đứng lên, mong đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại non sông đất nước. Song do chưa có đường lối đúng đắn như con đường “Tây du” và “Đông du” của các cụ Phan khởi xướng, do ngọn cờ tư tưởng phong kiến đã lỗi thời, nên các phong trào, các cuộc khởi nghĩa yêu nước lần lượt thất bại, quần chúng cách mạng bị chìm trong biển máu. Sự thể đau lòng đến nỗi nhà yêu nước Phan Bội Châu buông lời: “Trăm lần thất bại chưa có một lần thành công”. Sinh ra trong cảnh nước mất, nhà tan, người thanh niên Nguyễn Tất Thành sau nhiều trăn trở đã ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Sau hơn 10 năm lăn lộn, qua nhiều nước để tìm tòi và thử nghiệm, Người đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với tư tưởng Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Người cho rằng phải học tập cách mạng Nga, khi được tiếp

xúc: “Bản luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin, Người đã sung sướng nói to lên: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!” [26, tr.127]. Vậy là, từ lòng yêu nước, thương dân thúc giục Người ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân thì đến với Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Lênin, Người đã tìm thấy ở đó con đường cứu nước, cứu dân và giải phóng lao động và quả quyết: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”[26, tr.314].

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội diễn ra trong suốt quá trình cách mạng, ở mỗi giai đoạn của cách mạng; thống nhất ở mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài. Bởi vì, đối với một dân tộc đã phải trải qua một ngàn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc và gần một trăm năm dưới gót sắt của chủ nghĩa thực dân thì khát vọng cao nhất và trực tiếp nhất là giành độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc. Nhưng để có độc lập thực sự cho dân tộc phải đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng, là điều kiện đảm bảo cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, là nhân tố đảm bảo vững chắc của nền độc lập dân tộc. Hồ Chủ Tịch đã từng nói: “Nhưng nếu nước được độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [25, tr.56]. Và “Dân chi biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” [25, tr.152]. Như thế nghĩa là cách mạng Việt Nam phải hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột và bất công, tiến tới một xã hội “trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” [25, tr.628]. Chính vì vậy, trong “Chính cương vắn tắt”, Người chủ trương tiến hành tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

Ở Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc còn là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế. “Bốn phương vô sản đều là anh em”, đó là nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tinh thần quốc tế vô sản. Tinh thần này bao gồm tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước, với những người tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, công lý và tiến bộ xã hội. Tinh thần này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công vun đắp bằng các hoạt động cách mạng thực tiễn của bản thân và bằng sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc.

Theo Bác Hồ, chủ nghĩa quốc tế vô sản gắn liền với chủ nghĩa yêu nước. Nếu tinh thần yêu nước không chân chính và tinh thần quốc tế không trong sáng thì có thể dẫn đến chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa Sôvanh, biệt lập, kỳ thị chủng tộc, hoặc chủ nghĩa bành trướng, bá quyền. Tất cả những khuynh hướng lệch lạc ấy có thể dẫn đến sự đổ vỡ của một quốc gia dân tộc hay một liên bang đa quốc gia dân tộc, phá vỡ tinh đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung...

Tinh thần quốc tế trong sáng là phẩm chất, là yêu cầu đạo đức nhằm vào mối quan hệ rộng lớn. Không phải đối với bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào cũng thấy được tinh thần quốc tế có hay không, trong sáng hay không trong sáng. Nhưng việc giáo dục của Đảng và việc rèn luyện của cá nhân mỗi người về tinh thần quốc tế lại không thể coi nhẹ.

Đường lối lãnh đạo của Đảng và những chủ trương, chính sách cụ thể của Nhà nước có ý nghĩa định hướng đúng đắn cho việc bồi dưỡng tinh thần quốc tế ở mỗi người. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về chủ nghĩa quốc tế vô sản gắn liền với chủ nghĩa yêu nước là thiết thực góp phần đưa Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2.3. Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập

Là một chiến sỹ quốc tế chân chính, xuất phát từ quan điểm độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập dân tộc của tất cả các dân tộc bị áp bức. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn gắn liền với chủ nghĩa quốc tế cao cả, trong sáng. Người nói: “Chúng ta phải tranh đấu cho tự do độc lập của các dân tộc khác như là tranh đấu cho dân tộc ta vậy.” Chủ trương “giúp bạn là tự giúp mình”, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần dân tộc tự quyết song không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Với Người, phải thông qua thắng lợi của Cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của Cách mạng thế giới. Về quan hệ quốc tế, Người tuyên bố với thế giới: “Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới”.

Ra đi tìm đường cứu nước từ năm 1911, Nguyễn Tất Thành bôn ba hải ngoại và hoạt động cách mạng dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc. Trở về nước năm 1941, Người đã trực tiếp lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công và trở thành Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đầu năm 1946, Người bày tỏ tâm tư của mình: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[25, tr.161]. Năm 1969, 50 ngày trước lúc đi xa, khi trả lời nữ phóng viên báo Granma (Cuba) - đồng chí Mácta Rôhát, Người đã nói: "Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi" [27, tr.560]. Có thể nói, động lực làm nên chí

khí và sự nghiệp Hồ Chí Minh chính là điều mà Người gọi là chủ nghĩa dân tộc. Đây là tư tưởng nền tảng và nhất quán trong hệ tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh. Bởi vậy, trên thế giới vẫn còn có nghi vấn rằng, Hồ Chí Minh là một nhà dân tộc chủ nghĩa hay người cộng sản? Đối với dân tộc Việt Nam và những người tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh là một người cộng sản. Việc tìm hiểu người cộng sản Hồ Chí Minh đã quan niệm như thế nào về chủ nghĩa dân tộc là một vấn đề quan trọng. Bởi lẽ, có hiểu được đúng đắn quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc thì mới có thể hiểu được đầy đủ sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, để thấy được đóng góp to lớn của Người vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giai cấp.

Năm 1924, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam đang đấu tranh giải phóng dân tộc hồi đầu thế kỷ XX, trong Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917” [24, tr.466].

Nhận thức rõ vai trò đặc biệt quan trọng của chủ nghĩa dân tộc trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam khi đó, trong phần cương lĩnh và phương hướng hành động chung, Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ của Nguyễn Ái Quốc đề nghị “phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được

cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ” [24, tr.466-467].

Ở đây, cần nhấn mạnh rằng, trong khi nêu cao vấn đề dân tộc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không bao giờ hạ thấp hoặc coi thường vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Nhiều nhà nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đều có chung nhận định rằng: “Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn, sáng tạo mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam” [9, tr.91].

Theo Hồ Chí Minh, đối với Việt Nam, không thể giải quyết vấn đề giai cấp trước rồi mới giải quyết vấn đề dân tộc như ở các nước tư bản phát triển phương Tây. Mà ngược lại, chỉ có giải phóng dân tộc thì mới giải phóng được giai cấp, giải phóng dân tộc đã bao hàm một phần giải phóng giai cấp và tạo tiền đề cho giải phóng giai cấp. Sờ dĩ như vậy là vì, ở Việt Nam, cùng với sự tồn tại của mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc, nổi lên mâu thuẫn dân tộc và đấu tranh giữa toàn dân tộc với chủ nghĩa thực dân đế quốc và bè lũ tay sai. Nói tóm lại, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam để đề ra con đường cách mạng đầy sáng tạo của Việt Nam là: “giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người” với khẩu hiệu: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”.

Như vậy, vấn đề “chủ nghĩa dân tộc” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là khá rõ ràng. Đối với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản thống nhất với nhau. Hơn thế, trong những điều kiện nhất định, chủ nghĩa dân tộc có thể phát triển thành chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Xuất phát từ nhận thức chủ nghĩa dân tộc của người bản xứ là chủ nghĩa dân tộc chân chính, như Ph.Ăngghen đã từng nói: “Những tư tưởng dân

tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính” [28, tr.116], Nguyễn Ái Quốc đi tới một kiến nghị có tính cương lĩnh hành động đối với Quốc tế cộng sản và những người cộng sản là phải biết chủ động nắm lấy, phát huy và phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế cộng sản. Làm được điều đó, những người cộng sản sẽ thực hiện được một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời; và ngược lại, nếu không làm được điều đó, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Và, “khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế” [24, tr.467]. Đề nghị này mới nghe qua có vẻ như một nghịch lý, nhất là vào thời điểm những năm 20, khi Quốc tế cộng sản đang có xu hướng bị “xơ cứng hoá” về mặt lý luận. Nhưng thực ra, nó lại rất hợp lý. Theo Nguyễn Ái Quốc, đó là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời, bởi nếu nhân danh Quốc tế Cộng sản mà phát động thì sẽ không phải là chủ nghĩa dân tộc thuần túy, mà sẽ là chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế. Về vấn đề này, khi kết thúc báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (...) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam” [24, tr.469].

Qua nội dung trình bày trên, có thể thấy rằng, khi xác định con đường cách mạng Việt Nam là đi theo cách mạng vô sản, ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhận thức một cách đúng đắn và giải quyết sáng tạo mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam. Đây chính là một trong những cơ sở cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Lịch sử dân tộc ta đã cho thấy, có nơi, có lúc, do không nắm vững,

không xử lý tốt vấn đề mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp nên đã có những sai lầm trong vấn đề tập hợp lực lượng, gây tổn thất cho cách mạng.

Về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Charles Fourniau - nhà sử học người Pháp đã viết: “Vấn đề duy nhất đặt ra là cần hiểu rõ tại sao và thế nào mà một người dân thuộc địa tất nhiên phải đi theo chủ nghĩa dân tộc? (làm sao lại không như thế được trước những sát hạch của chủ nghĩa thực dân?) và tại sao lại tìm được chủ nghĩa cộng sản như là con đường duy nhất để thực hiện độc lập cho Tổ quốc mình?”. Ông đã tự trả lời rằng: “Việc áp dụng một cách độc đáo chủ nghĩa Mác vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, chắc chắn đó là một trong những nguyên nhân thắng lợi của Việt Nam, thể hiện một cách chính xác sự thống nhất đã đạt được của truyền thống dân tộc và của cuộc cách mạng sâu xa mà việc áp dụng chủ nghĩa Mác đòi hỏi, cũng là sự thống nhất một cuộc cách mạng dân tộc với phong trào cộng sản quốc tế, đó là những dấu ấn riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên phong trào cách mạng Việt Nam” [12, tr.118]. Những ý kiến của nhà sử học nước ngoài này đã góp phần làm sáng tỏ quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc.

1.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Dựng nước đi đôi với giữ nước là tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh về cách mạng vô sản nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng. Tư tưởng đó là sự kết tinh những giá trị tư tưởng tiêu biểu, cách mạng của nhân loại mà cốt lõi là chủ nghĩa Mác-Lênin và truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng dựng nước đi đôi với giữ nước của Hồ Chí Minh trở thành đường lối xuyên suốt của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; bảo vệ độc lập dân tộc luôn luôn gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Ngay từ những năm 1923-1924, Hồ Chí Minh đã viết: “Chi có giải

phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả 2 cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”. Hơn 35 năm sau, Người đã khái quát kết luận quan trọng đó thành quy luật: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”, Người nêu rõ trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Người còn khẳng định xu thế của thời đại rằng sớm hay muộn, tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Điều khác biệt giữa Hồ Chí Minh và các vị cách mạng tiền bối là Người đã đặt giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo; gắn liền mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu của cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sở dĩ Hồ Chí Minh chọn con đường cách mạng vô sản, chọn chủ nghĩa xã hội, chủ trương gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội vì theo Người chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Tư tưởng dựng nước đi đôi với giữ nước; Độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân luôn là tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt toàn bộ nhận thức và hành động cách mạng của Hồ Chí Minh. Người đã từng nói rõ quan điểm về độc lập dân tộc: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Trong tư duy và nhận thức của mình, Hồ Chí Minh luôn xác định độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội; độc lập trên nền tảng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc là mục tiêu

trực tiếp trước mắt, có tính cấp bách. Muốn hoàn thành được mục tiêu cuối cùng, giải phóng hoàn toàn các tầng lớp nhân dân lao động khỏi áp bức bóc lột thì phải đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Theo Người, chủ nghĩa xã hội là một bảo đảm cho độc lập dân tộc bền vững. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là luận điểm cơ bản, trọng tâm trong toàn bộ quan điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. Nó chính là cơ sở để hình thành và phát triển đường lối cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ lịch sử - đường lối gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng dựng nước đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng lý luận và là kim chỉ nam cho Đảng ta trong việc đề ra đường lối cách mạng qua từng thời kỳ lịch sử. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quán triệt Tư tưởng Hồ Chí Minh: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; dựng nước đi đôi với bảo vệ đất nước xã hội chủ nghĩa, trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang đặt nhiệm vụ xây dựng đất nước lên hàng đầu để nhanh chóng vượt qua đói nghèo, lạc hậu. Nhưng không được mất cảnh giác, chệch hướng, không được tách rời nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tách rời dựng nước với giữ nước trên tất cả các mặt: Chính trị, kinh tế, ngoại giao, an ninh quốc phòng...

1.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân

Bằng đường lối chính trị đúng đắn, bằng mục tiêu chính trị đúng đắn với sự mềm dẻo, linh hoạt trong chỉ đạo, Hồ Chí Minh đã thực hiện thành công việc tập hợp toàn dân vào các hình thức mặt trận, phát huy đến cao độ khả năng của dân trong cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện, trường kỳ để rồi bằng chính sức mạnh của mình giành thắng lợi.

Tư tưởng quốc phòng toàn dân của Hồ Chí Minh được biểu hiện trước hết là việc phát động một cuộc chiến tranh nhân dân, dùng sức mạnh của toàn dân để đánh thắng kẻ thù.

Kế thừa truyền thống "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh" của dân tộc, vận dụng quan điểm "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Dân là chủ, kháng chiến kiến quốc là sự nghiệp của dân; có dân là có tất cả; khởi nghĩa toàn dân để giành lại nền độc lập cho dân tộc, kháng chiến toàn dân để giữ vững nền độc lập ấy. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh viết: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc". Trong quá trình kháng chiến, Người đã nhiều lần khẳng định: 20 triệu đồng bào Việt Nam quyết đánh tan mấy vạn quân thực dân phản động. Bước vào cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Người kêu gọi toàn dân với tinh thần: mỗi làng xóm là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ, quyết tâm "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Hai là, xây dựng lực lượng quân sự bao gồm ba thứ quân, kết hợp xây dựng lực lượng chính trị rộng khắp và chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, sử dụng linh hoạt các phương pháp tiến công.

Ngay khi Đảng ra đời, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, Đảng ta đã chú ý xây dựng các hình thức mặt trận. Mặt trận chính là tổ chức nhằm tập hợp đông đảo, rộng rãi các tầng lớp nhân dân. Đây là cơ sở để xây dựng một đội quân chính trị rộng khắp.

Trong xây dựng lực lượng vũ trang, Hồ Chí Minh hết sức chú ý đến việc giáo dục tư tưởng chính trị và nhiệm vụ chính trị cho họ. Đội quân chủ lực đầu tiên của cách mạng là Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Ở Hồ Chí Minh, giữa chính trị và quân sự có mối quan hệ mật thiết. Dùng chính trị để phục vụ cho quân sự, dùng quân sự để xây dựng chính trị và kết hợp chính trị với quân sự để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc bằng tinh thần và sức mạnh của toàn dân.

Ba là, kết hợp giữa kháng chiến và kiến quốc, giữa mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng này được thể hiện rất rõ trong hai cuộc kháng chiến. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chủ trương "Vừa kháng chiến vừa kiến quốc", khẩn trương xây dựng chính quyền và Mặt trận Liên Việt, kêu gọi toàn dân thi đua ái quốc "chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm", "hậu phương thi đua với tiền phương", "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", thi đua thực hành cần, kiệm, liêm, chính, thi hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ, thực hiện các chính sách bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Người chủ trương xây dựng miền Bắc làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam và là cơ sở vững chắc cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Người đã động viên quân và dân miền Bắc ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cả nước có chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đánh bại chiến tranh phá hoại của địch và chi viện cho miền Nam, với tinh thần "Tất cả vì miền Nam ruột thịt".

Tiếp nối tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân, hiện nay, Đảng ta rất coi trọng việc giáo dục ý thức quốc phòng cho các tầng lớp nhân dân, kêu gọi nhân dân đề cao cảnh giác, chống các âm mưu và thủ đoạn của địch trong chiến lược "diễn biến hòa bình". Cùng với chiến lược phát triển kinh tế, Đảng ta đề ra chiến lược về quốc phòng và an ninh quốc gia; kết hợp kinh tế với quốc phòng; kết hợp giữa xây dựng lực lượng vũ trang chính quy với các lực lượng tự vệ ở các địa phương, tạo nên thế trận quốc phòng toàn dân nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Trên cơ sở lý luận Chủ nghĩa Mác – Lênin và qua thực tiễn hoạt động cách mạng, quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc được hình thành. Nhưng vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh đề cập ở đây không phải là vấn đề dân tộc nói chung mà là vấn đề dân tộc thuộc địa. Bởi vì xuất phát từ thực tiễn khi chủ nghĩa đế quốc đi xâm chiếm thuộc địa để mở rộng thị trường, thực hiện sự áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa đối với các nước bị xâm chiếm, thì vấn đề dân tộc trở thành vấn đề dân tộc thuộc địa.

Một là, độc lập, tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.

Hai là, kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế.

Ba là, chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập.

Bốn là, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân.

Tiếp nối tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân, hiện nay, Đảng ta rất coi trọng việc giáo dục ý thức quốc phòng cho các tầng lớp nhân dân, kêu gọi nhân dân đề cao cảnh giác, chống các âm mưu và thủ đoạn của địch trong chiến lược "diễn biến hòa bình". Cùng với chiến lược phát triển kinh tế, Đảng ta đề ra chiến lược về quốc phòng và an ninh quốc gia; kết hợp kinh tế với quốc phòng; kết hợp giữa xây dựng lực lượng vũ trang chính quy với các lực lượng tự vệ ở các địa phương, tạo nên thế trận quốc phòng toàn dân nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.1. THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC, Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA THANH NIÊN, SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.1. Vai trò của thanh niên, sinh viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Kế thừa những di sản tư tưởng quý báu của Mác, Ănggen và Lênin, Hồ Chí Minh đã phát triển một cách sáng tạo những luận điểm Mácxít về vị trí, vai trò của thanh niên trong xã hội, về nhiệm vụ giáo dục thanh niên, về Đoàn thanh niên cộng sản trong công tác thanh niên của Đảng với những điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam:

Một là, Hồ Chí Minh khẳng định vị trí, vai trò, khả năng, động lực cách mạng to lớn của thanh niên đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới.

Gắn thanh niên với vận mệnh của dân tộc, Người đã luận giải một cách giản dị, thuyết phục rằng thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó.

Hồ Chí Minh nhận thấy rõ vai trò quyết định của thanh niên trong tiến trình lịch sử, nhận thấy rõ khả năng cách mạng của thanh niên, hết lòng tin yêu thanh niên. Người luôn đặt thanh niên trong tư cách là một chủ thể đang

phát triển, đang được tiếp tục hoàn thiện. Điều đó có nghĩa rằng, thanh niên nói chung và trong mỗi cá thể nói riêng đều có cả mặt mạnh và mặt yếu, đều đang tiềm ẩn những khả năng to lớn cũng như những mặt hạn chế. Thí dụ, mặt mạnh của thanh niên là: “Hăng hái, xung phong”, mặt yếu là “Hay chuộng hình thức, ít xem xét kết quả” hoặc “đầu voi đuôi chuột”. Hơn thế, Hồ Chí Minh thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải chăm lo dìu dắt thanh niên vì thanh niên chưa từng trải và thiếu kinh nghiệm.

Thực tiễn cho ta thấy quan điểm biện chứng trong việc nhìn nhận, đánh giá thanh niên của Hồ Chí Minh làm cho thanh niên tự tin hơn, đồng thời lại thấy rõ yêu cầu phải phấn đấu rèn luyện.

Hai là, Hồ Chí Minh đã nêu tư tưởng về chiến lược “trồng người”, về đào tạo, bồi dưỡng thanh niên thành lớp người có đức, có tài, “vừa hồng, vừa chuyên”, kế tục sự nghiệp cách mạng một cách trung thành và xuất sắc.

Tư tưởng trên được cô đọng lại, đúc kết và nâng cao từ thực tiễn sinh động của hơn nửa thế kỷ lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người luôn nhắc nhở việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết. Đây là tư tưởng bao trùm nhất của Hồ Chí Minh về công tác thanh niên; bồi dưỡng và phát huy lực lượng thanh niên là bản chất của công tác vận động thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Năm 1958, nói chuyện tại lớp học chính trị của các giáo viên cấp II và cấp III toàn miền Bắc, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Vi lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vi lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Thật ra không phải đến lúc đó Hồ Chí Minh mới nghĩ đến chiến lược “trồng người”, mà ngay từ khi bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã ý thức một cách rõ ràng về chiến lược “trồng người”, luôn xem đó là một trong những nguyên tắc cơ bản của cách mạng.

Người đã dành nhiều công sức cho việc tạo nên những hạt giống cho sự

nghiệp cách mạng, giáo dục, rèn luyện và đào tạo nhiều thế hệ thanh niên nước ta trở thành những cán bộ, đảng viên và chiến sĩ cách mạng ưu tú, thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Do nhận thức được một cách đúng đắn và biện chứng vai trò lịch sử, vị trí quan trọng của thanh niên mà trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề giáo dục thanh niên. Trong hàng chục bức thư và bài viết của Hồ Chí Minh gửi cho thanh niên, bài nào cũng có nội dung giáo dục hết sức sâu sắc, thể hiện một tình cảm đặc biệt với thế hệ trẻ. Trong bài nói chuyện tại Đại hội Đảng bộ Hà Nội ngày 1-2-1961 Người nói: “Tôi luôn luôn nói đến thanh niên” và khuyên: “Các em hãy nghe lời tôi, lời của một người anh lớn lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các em được giỏi giang”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung giáo dục thanh niên, vấn đề giáo dục toàn diện luôn được coi trọng, trong đó nhiệm vụ bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn có vị trí đặc biệt quan trọng và then chốt. Năm điều Hồ Chí Minh căn dặn thanh niên nhân ngày Quốc khánh 2-9-1965 thể hiện rất rõ mong muốn của Người là: trong việc giáo dục và học tập phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất. Đây là một luận điểm rất quan trọng của Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên.

Hồ Chí Minh nhiều lần căn dặn các cán bộ làm công tác thanh niên rằng, cần giúp thanh niên xây dựng cho mình lẽ sống cao đẹp. Người dạy thanh niên phải sống có lý tưởng và chỉ rõ rằng “lý tưởng của thanh niên ta ngày nay là độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội”. Phải “Trung với nước, hiếu với dân” và “làm cho dân giàu nước mạnh” để “ai cũng có cơm no áo mặc, ai cũng được học hành”. Trong bài nói chuyện tại buổi lễ khai mạc trường Đại học Nhân dân Việt Nam ngày 19-01-1955 Bác đã nhấn

gửi: “Nhiệm vụ của thanh niên không phải là đi hỏi nước nhà đã làm cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà. Mình phải làm thế nào cho ích nước lợi nhà nhiều hơn”.

Trong nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thanh niên, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải đào tạo, bồi dưỡng họ thành những người “có khả năng hoạt động thực tiễn, không nên đào tạo ra những con người chỉ thuộc sách vở lâu lâu”. Công cuộc đổi mới đang diễn ra trên đất nước ta ngày nay đòi hỏi rất cao ở thanh niên về nhiều mặt, trong đó nổi lên là khả năng hoạt động thực tiễn của từng con người. Từ đó chúng ta mới càng thấy rõ tầm nhìn cao rộng của Hồ Chí Minh về giáo dục, vận động thanh niên.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, phát huy vai trò của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Đây cũng là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vận động thanh niên.

2.1.2. Thực trạng nhận thức của thanh niên, sinh viên về vấn đề dân tộc, bảo vệ Tổ quốc

Trong tác phẩm *“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*. Trong tất cả các quyền và nghĩa vụ của công dân được pháp luật Việt Nam thừa nhận thì quyền và nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc, hi sinh chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc - bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là quyền và nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả nhất của mỗi công dân. Trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc của mỗi công dân phải là trên hết, trước

hết. Đặc biệt, khi Tổ quốc bị lâm nguy thì quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của mỗi công dân thực sự là quyền và nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả và phải được đặt lên hàng đầu. Mọi công dân đều có nghĩa vụ, trách nhiệm phải hi sinh quyền và lợi ích riêng tư của cá nhân, gia đình, chiến đấu vì quyền và lợi ích cao cả của Tổ quốc, của quốc gia, dân tộc.

Hiện nay, đất nước ta hòa bình, ổn định, đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, luôn đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thành tựu đó đã góp phần tăng cường sức mạnh và tiềm lực mọi mặt của đất nước; đồng thời ngày càng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Ngoài ra, còn góp phần quan trọng trong việc củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa; tạo tiền đề để đất nước tiếp tục phát triển bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi đó; đất nước ta cũng còn đứng trước những khó khăn, thách thức. Vì thế, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay không chỉ chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền quốc gia, vùng trời, vùng biển Tổ quốc mà còn gắn liền với việc bảo vệ Đảng và Nhà nước; bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân, bảo vệ sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt và đội ngũ thanh niên là những người chiến sĩ anh dũng, luôn chắc tay súng canh giữ toàn vẹn từng tấc đất và biển, trời quê hương. Đó chính là một cách cụ thể biểu hiện lòng yêu nước của thế hệ thanh niên hiện nay. Luật Nghĩa vụ quân sự cũng đã khẳng định; bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

Tại hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy khóa X đã

khẳng định: *“Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm những công việc đòi hỏi hi sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo”*. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, với sự hăng hái, nhiệt huyết của tuổi trẻ, thanh niên đã thể hiện được vai trò hết sức to lớn của mình đối với sự phát triển bền vững của đất nước hôm nay. Trong đó bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp quan trọng, chủ chốt mà lực lượng thanh niên cần phải xung kích đi đầu.

Đất nước ta trong thời kì mưa bom bão đạn đã có hàng vạn thanh niên tình nguyện tiến ra chiến trường, cầm chắc tay súng để bảo vệ quê hương trước sự xâm lược từ bên ngoài. Với tinh thần đó đã khiến thực dân Pháp, đế quốc Mỹ phải khiếp sợ, đầu hàng. Ngày nay, khi hòa bình được lập lại thì thanh niên vẫn là lực lượng đi đầu trước những nguy cơ, thách thức đe dọa tới an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Với sự sáng tạo, thông minh, sức khỏe dồi dào của tuổi trẻ, thế hệ thanh niên Việt Nam đã và đang tiếp tục kế tục, nối tiếp ông cha ta bảo vệ đất nước đi tới thắng lợi cuối cùng, vượt qua mọi thách thức, khó khăn.

Nước ta là một nước đang phát triển, trình độ dân trí còn thấp do vậy một bộ phận quần chúng nhân dân chưa nhận thức được vị trí vai trò của mình trong công cuộc bảo vệ đất nước. Họ cho rằng bảo vệ an ninh trật tự là việc của công an, quân đội chứ bản thân mình thì vũ khí chẳng có, trang thiết bị cũng không thì làm được gì. Đây là một quan điểm hết sức sai lầm, duy ý chí. Điều 44, Hiến pháp 1992 đã khẳng định *“Bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân”*. Bác Hồ đã từng nhắc nhở lực lượng công an là phải biết dựa vào dân để đấu tranh với tội phạm, bảo vệ đất nước: *“nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thành công hoàn*

toàn”. Thanh niên là những người trẻ tuổi, có trình độ và hiểu biết sâu rộng vì vậy họ đã có đóng góp to lớn trong việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân, tuyên truyền về những âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm. Cách thức phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các nguy cơ gây mất an ninh trật tự, cảnh giác với tội phạm.

Thanh niên với sự nhiệt huyết, năng động đã tích cực vận động, tuyên truyền xây dựng, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc, góp phần dần dần nâng cao nhận thức của nhân dân về trách nhiệm, về khả năng của mình trong việc bảo vệ đất nước.

Ngày nay khi đi đất nước ta đang bước vào thời kì hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, đó vừa là cơ hội lớn để đất nước ta phát triển vừa là thách thức không nhỏ đối với nền an ninh quốc gia. Các thế lực thù địch có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để tiến hành các hoạt động chống phá, cùng với đó là sự xuất hiện của nhiều loại tội phạm mới đặc biệt là tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia... đã và đang tác động tiêu cực tới an ninh chính trị và trật tự xã hội của đất nước. Do vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng, quan tâm sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự, trong đó xác định lực lượng thanh niên phải là những người đi đầu, nòng cốt. Thanh niên với sức khỏe, năng động, sáng tạo đã trực tiếp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh làm thất bại âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Thực tiễn cho thấy do có hiểu biết sâu rộng, lực lượng thanh niên đã có đóng góp lớn trong việc tố giác tội phạm, cung cấp nhiều thông tin có giá trị cho bên công an, từ đó loại trừ được nhiều đối tượng nguy hiểm. Đồng thời gan dạ, dũng cảm bắt giữ, vô hiệu hóa hoạt động của các loại tội phạm thông thường như trộm cướp, lừa đảo, vi phạm luật giao thông... Nhiều tấm gương sáng đã xuất hiện, sẵn sàng đứng lên đấu

tranh để bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân. Đặc biệt điển hình cho sự đoàn kết chung tay bảo vệ đất nước của thế hệ thanh niên ngày nay, đó là việc xây dựng các mô hình tổ, đội, nhóm thanh niên quản lí an ninh trong khu vực, tiến hành các hoạt động đấu tranh với các đối tượng đã tạo ra sức mạnh to lớn trong việc trấn áp tội phạm, giúp đỡ lực lượng công an xử lí, nắm tình hình. Nước ta là nước có dân số trẻ, thanh niên chiếm tỉ lệ khá cao, họ hoạt động trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, do đó thanh niên chúng ta tùy vào khả năng, điều kiện của mình thẳng thắn đứng lên đấu tranh, bóc gỡ các đối tượng phạm tội làm trong sạch xã hội. Thanh niên Việt Nam là những người yêu nước, chúng ta sống không chỉ vì bản thân mà còn rất nhiều thứ còn quan trọng hơn đó là gia đình, bạn bè, xóm làng, quê hương. Vì vậy bảo vệ đất nước là trách nhiệm, nghĩa vụ lớn lao của mỗi thanh niên ngày nay.

Sinh viên là bộ phận tiên tiến của thanh niên, lao động trí óc, có trình độ học vấn cao là chủ nhân tương lai của đất nước, đảm nhiệm những vị trí trụ cột sau này. Với tinh thần đam mê nghiên cứu, học hỏi sinh viên các trường cao đẳng, đại học đã tích cực tham gia tìm hiểu về công tác bảo vệ an ninh Tổ Quốc, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học từ đó tăng cường vấn đề cơ sở lí luận, tham mưu cho các lực lượng chuyên trách để sự nghiệp bảo vệ đất nước đạt hiệu quả hơn. Đặc biệt đối với các sinh viên thuộc khối lực lượng vũ trang như công an, quân đội là lực lượng đi đầu, tiên phong trong bảo vệ Tổ Quốc cần ra sức học tập, rèn luyện, tinh thông nghiệp vụ và pháp luật để sau này vững vàng bảo vệ đất nước, quê hương ta.

Những năm gần đây, vấn đề Biển Đông đang có những diễn biến hết sức phức tạp, Trung Quốc liên tục có các hoạt động hết sức trắng trợn xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền biển đảo của nước ta, ảnh hưởng không nhỏ tới ngư dân Việt Nam. Thanh niên với trình độ của mình đã nhanh chóng nhận thức ngay được nguy cơ lớn đến từ người bạn láng giềng này. Do đó, bằng

nhiều hình thức khác nhau như thông qua mạng internet, mạng xã hội, phương tiện thông tin đại chúng... đã đi đầu tiến hành tuyên truyền sâu rộng phản đối các hành động ngang ngược của Trung Quốc, hỗ trợ không nhỏ cho nhà nước ta trên mặt trận ngoại giao - vũ khí chính mà chúng ta sử dụng. Đồng thời, tích cực tham gia vào các phong trào “*Tuổi trẻ giữ nước*”, “*Vĩ Trường Sa thân yêu*”, “*Nghĩa tình biên giới, hải đảo*”, “*Tuổi trẻ hướng về biển đảo của Tổ Quốc*”, “*Góp đá xây dựng Trường Sa*”... đóng góp về vật chất, giúp đỡ ngư dân, nhân dân ở biên giới, hải đảo xa xôi khắc phục những khó khăn, từ đó tuyên truyền mạnh mẽ nâng cao nhận thức cho nhân dân về chủ quyền biển đảo của quê hương. Thanh niên Việt Nam với tài năng, trí tuệ của mình nguyện một lòng vì đất nước, vì quê hương sẽ không đứng yên trước âm mưu của các thế lực thù địch, những hành động phi lí của Trung Quốc trên Biển Đông, chắc chắn phải trả giá cho những gì đã gây ra. Đồng thời khẳng định lại rằng Trường Sa, Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam không thể tranh cãi.

Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, khu vực, đặc biệt là sự chống phá của các thế lực thù địch và những tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, “một bộ phận thanh niên còn biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phai nhạt lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc” [8, tr.121], chưa chứng tỏ đầy đủ được vai trò, trọng trách của mình trước vận mệnh của đất nước, sự nghiệp cách mạng của dân tộc, “xa rời chủ nghĩa yêu nước, xem nhẹ truyền thống cách mạng, ít quan tâm sinh hoạt chính trị, coi thường giá trị nhân văn, kỷ cương, đạo lý, mắc tệ nạn xã hội... mang nặng tâm lý hưởng thụ” [8, tr.122], thờ ơ và quên đi trách nhiệm, nghĩa vụ công dân.

Là lực lượng tri thức trẻ, năng động, sáng tạo, là trụ cột của nước nhà,

sinh viên có vai trò to lớn đối với sự phát triển của đất nước. Thế nhưng hiện nay, nhiều sinh viên không nhận thức được điều đó. Vì thiếu chín chắn, bông bột trong suy nghĩ và hành động. Đặc biệt trong tiếp thu, học hỏi cái mới nên dễ dàng tiếp nhận thiếu chọn lọc văn hóa không phù hợp với chuẩn mực xã hội, với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đi ra đường thấy lũ càn quét không ai dám ngăn cản, thấy bạn bị đánh đập thì đứng ngoài cổ vũ, quay phim,... Lối sống thực dụng, ích kỉ, thờ ơ, vô cảm, vô trách nhiệm, thiếu nhiệt tình và niềm tin đang là một căn bệnh của thế giới hiện đại.

Một thực trạng đáng báo động, theo thống kê của cơ quan Công an, mỗi năm ở các trường đại học ít nhất có hàng chục vụ sinh viên phạm pháp hình sự với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng. Nhiều tệ nạn như lô đề, nghiện ngập, rượu chè, sống thử... đã chui vào tận ngõ ngách nơi có sinh viên thuê trọ. Có nhiều sinh viên sau vài năm học đã là “đệ tử lưu linh”. Tiền đóng học phí rớt hết và bia rượu. Có sinh viên học đến 7 năm trong trường mà chưa tốt nghiệp vì vi phạm về đạo đức và học tập...

Bên cạnh đó, một số sinh viên mới ra trường, chưa có việc làm dễ bị lôi kéo, lợi dụng tham gia các tổ chức phân động, tuyên truyền chống phá Nhà nước. Một số do yếu kém về nhận thức chính trị hoặc lập trường tư tưởng không vững vàng nên dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng kích động, mua chuộc, dụ dỗ tham gia biểu tình, gây rối trật tự công cộng. Bên ngoài các cuộc biểu tình có hình thức ủng hộ những vấn đề chính trị của đất nước như vấn đề biển Đông, vấn đề dân tộc, tôn giáo,... nhưng thực chất các thế lực thù địch lợi dụng để kích động gây rối trật tự, chống phá chính quyền.

Ngoài ra, thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, Blog, Twist,... các thế lực thù địch không ngừng lợi dụng để tuyên truyền, tác động nhằm thay đổi nhận thức, hệ tư tưởng giới trẻ, đặc biệt là tầng lớp sinh viên, trụ cột của đất nước, thúc đẩy diễn biến hoà bình. Chúng hướng lái sinh viên

theo hướng tôn sùng chủ nghĩa tư bản, tôn sùng “tự do, dân chủ”. Chúng còn cho du nhập những văn hóa lai căng, làm lệch lạc lối sống sinh viên, dần dần để họ đánh mất các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc để tác động tới sinh viên, khuyến khích lối sống thực dụng, hưởng thụ, tự do vô tổ chức. Diễn biến hòa bình làm phai nhạt lý tưởng cách mạng của sinh viên, lòng tin của họ vào Đảng, vào chủ nghĩa xã hội dần giảm sút, gây ảnh hưởng cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu quyết định nhất là chính bản thân mỗi sinh viên. Biết rằng trí tuệ là nguồn tài nguyên quý giá của mỗi quốc gia, dân tộc và tài nguyên đó đang nằm chính trong mỗi sinh viên. Nhưng nếu tài nguyên đó không được khai thác và sử dụng hợp lý thì sẽ không có tác dụng gì.

2.2. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN HIỆN NAY

2.2.1. Tầm quan trọng của công tác giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên

Cần phải hiểu rằng giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên là trang bị kiến thức cho họ về an ninh quốc gia và bảo vệ nền quốc phòng toàn dân. An ninh là yên ổn, không có rối loạn. Nói đến an ninh quốc gia là nói đến sự yên ổn của một quốc gia, ở bên trong thì không có rối loạn, không bị chia cắt, ở bên ngoài thì không bị các quốc gia khác quấy nhiễu, xâm phạm, không bị lệ thuộc vào quốc gia khác và các tổ chức quốc tế. An ninh quốc gia là một khái niệm mang tính chính trị - pháp lý, thể hiện bản chất chế độ xã hội của một quốc gia.

An ninh quốc gia là sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quan trọng khác của một quốc gia.

Đối với nước ta, an ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. (Điều 3 Luật An ninh quốc gia được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004). An ninh quốc gia bao gồm an ninh trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hoá, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

Bảo vệ an ninh quốc gia không chỉ là nhiệm vụ hàng đầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước mà còn là sự nghiệp của toàn dân. Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật. Bảo vệ an ninh quốc gia chính là việc tiến hành các hoạt động nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động xâm hại an ninh quốc gia trên các lĩnh vực. Cụ thể:

Một là, bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Hai là, bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Ba là, bảo vệ an ninh trong lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.

Bốn là, Bảo vệ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

Năm là, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.

Tóm lại, bảo vệ an ninh quốc gia là tổng hợp các hoạt động nhằm bảo

đảm sự ổn định và phát triển bền vững của một chế độ xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quan trọng khác của một quốc gia.

Giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu của công tác này là giáo dục cho học sinh, sinh viên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống của dân tộc; trang bị cho họ những kiến thức cơ bản về quốc phòng - an ninh và những kỹ năng quân sự cần thiết, để học sinh, sinh viên nhận thức đầy đủ hơn quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tầm quan trọng của công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đã được quy định tại Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ. Nghị định ghi rõ “Giáo dục QP-AN là bộ phận của nền giáo dục quốc dân, một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khoá trong chương trình giáo dục, đào tạo trung học phổ thông đến đại học và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể.

Học tập, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh là quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức và của toàn dân. Kiến thức quốc phòng - an ninh tương ứng với chức danh cán bộ là một trong các tiêu chuẩn bắt buộc và là một trong những tiêu chí để xem xét, đề bạt, bổ nhiệm đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức các cấp, các ngành.

Mục tiêu giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh: Nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện; hiểu biết một số nội dung cơ bản về quốc phòng, an ninh; truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn

của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nguyên lý giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh: Thực hiện đúng đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lý thuyết đi đôi với thực hành; giáo dục trong nhà trường kết hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư.”

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh: “Bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Quân đội nhân dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các Ban, Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội cần phối hợp chặt chẽ, triển khai toàn diện công tác giáo dục quốc phòng; phát huy tốt vị trí, vai trò to lớn, động viên thanh thiếu niên nâng cao ý thức, trách nhiệm, phấn đấu tham gia thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, góp phần hoàn thành thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2.2. Vấn đề giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị định của Đảng, Chính phủ về công tác giáo dục quốc phòng - an ninh, những năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tích cực phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên. Theo đó, công tác này đã được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ đến các cơ sở giáo dục trong hệ

thống giáo dục quốc dân, ngày càng đi vào nền nếp, chất lượng từng bước được nâng cao. giáo dục quốc phòng - an ninh đã trở thành môn học chính khoá trong một số cấp học thuộc hệ thống giáo dục quốc gia; nội dung, chương trình và giáo trình, giáo khoa, tài liệu cũng như các điều kiện đảm bảo cho môn học đã được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu.

Trong những năm qua, để không ngừng tăng cường sức mạnh quân sự quốc phòng, thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng cho thanh thiếu niên; Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đã quán triệt và triển khai thực tốt các Nghị quyết, đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; Nghị định số 116/2007 - ND/CP của Chính phủ ngày 10/7/2007 về giáo dục quốc phòng - an ninh; thực hiện tốt các kế hoạch của Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh Trung ương, coi trọng việc phối hợp chặt chẽ với các Ban, Bộ, ngành Trung ương; chỉ đạo xây dựng và thực hiện tốt việc giáo dục nhiệm vụ quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xây dựng bản lĩnh chính trị, ý thức quốc phòng cho thanh thiếu niên; chương trình bồi dưỡng giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng...

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã ban hành Nghị quyết Liên tịch về “Phát huy vai trò xung kích tình nguyện của tuổi trẻ tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới”; phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức tốt việc giáo dục quốc phòng cho hàng vạn thanh niên, sinh viên, học sinh. Nội dung giáo dục toàn diện cả về truyền thống cách mạng; về nghệ thuật chiến tranh nhân dân, nghệ thuật

quân sự Việt Nam; tình hình nhiệm vụ cách mạng; trách nhiệm, nghĩa vụ tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân; về nâng cao cảnh giác cách mạng trước những âm mưu, thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch... Hình thức tổ chức phong phú, linh hoạt, phù hợp với các loại hình đối tượng, như tổ chức lên lớp theo chương trình tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trung học phổ thông; thông qua giáo dục truyền thống, tham quan, tìm hiểu; tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua, xung kích, sáng tạo, như các chương trình “*Khi tổ quốc cần*”, cuộc vận động “*Nghĩa tình biên giới, hải đảo*”, hoạt động “*Hành trình tuổi trẻ vì biển đảo quê hương*”, chương trình “*Đồng hành cùng ngư dân trẻ ra khơi*”....

Cùng với tuổi trẻ cả nước, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, rèn luyện, bồi dưỡng và động viên, khích lệ đoàn viên thanh niên xung kích đi đầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; giúp đỡ nhân dân phòng chống thiên tai, bão lũ; khắc phục mọi khó khăn gian khổ nơi biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, tích cực tham gia xoá đói giảm nghèo; xây dựng các tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, góp phần tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Với chức năng trường học xã hội của thanh niên, việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên là công tác quan trọng, thường xuyên, liên tục của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Trong những năm gần đây, các cấp bộ Đoàn đã có nhiều đổi mới trong công tác giáo dục thể hiện qua các việc sau:

Thứ nhất, thông qua cuộc vận động “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, các cấp bộ Đoàn đã có nhiều mô hình phong phú để giáo dục thanh thiếu nhi như viết “Nhật ký làm theo lời Bác”; “Sổ vàng học tập và làm theo lời Bác”, “Sổ tay tự rèn”, cuộc thi “Tôi yêu Tổ quốc tôi, tôi yêu đồng bào tôi”, khẩu hiệu hành động “Mỗi ngày một việc tốt vì nhân dân”... ; xây dựng các tiêu chí về chuẩn mực đạo đức, lối sống cho các đối tượng đoàn viên thanh niên gắn liền với chương trình rèn luyện đoàn viên và tuyên dương, biểu dương các điển hình. Hiện nay, Trung ương Đoàn đã tổ chức trao nhiều giải thưởng cho những điển hình tiêu biểu như: Giải thưởng Sao Tháng giêng cho sinh viên, Giải thưởng Lý Tự Trọng cho học sinh, Giải thưởng Lương Định Của cho thanh niên nông thôn, Giải thưởng Người thợ trẻ giỏi cho thanh niên công nhân, Giải thưởng Sao đỏ cho doanh nhân, giải thưởng Gương mặt trẻ Việt Nam tiêu biểu, các giải thưởng cho thanh niên quân đội, thanh niên công an...

Thứ hai, Đoàn Thanh niên chú trọng đổi mới phương thức giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên. Trong đó, đẩy mạnh hơn việc giáo dục thông qua phong trào hành động cụ thể, lấy môi trường thực tiễn để bồi dưỡng, rèn luyện, vun đắp những giá trị tốt đẹp cho đoàn viên thanh niên. Đoàn Thanh niên cũng chú trọng “làm mới cái cũ” để phù hợp với thanh niên hơn; làm đồng bộ, đồng loạt để tạo hiệu ứng xã hội lớn hơn. Một hoạt động cũ được “làm mới” trong nhiều năm gần đây được đánh giá mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc và tính sáng tạo cao là hoạt động thấp nền tri ân các anh hùng liệt sỹ. Từ sáng kiến của Đoàn, hiện nay, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã đưa vào chương trình định kỳ hàng năm. Đúng đêm 26-7, tất cả các nghĩa trang liệt sỹ, đền tưởng niệm liệt sỹ đều được thắp sáng bởi hàng triệu ngọn nến lung linh, nghĩa tình, tạo ra hiệu ứng lan tỏa rất lớn. Hoạt động này đã tạo sức lay động mạnh mẽ đối với mỗi đoàn viên thanh niên nói riêng và toàn xã hội nói chung.

Đoàn cũng đã có nhiều hình thức sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, phương tiện truyền thông, tiện ích của internet để tạo sân chơi và định hướng các hoạt động lành mạnh cho thanh thiếu niên.

Kết quả của công tác giáo dục quốc phòng đã góp phần thiết thực vào việc nâng cao hiệu quả, tăng cường ý thức quốc phòng cho thanh thiếu niên, nâng cao nhận thức chính trị, mục tiêu, lý tưởng cách mạng, bản lĩnh chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng; kiến thức, kinh nghiệm và khả năng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng... đảm bảo cho thanh niên luôn là lực lượng xung kích đi đầu trong bảo vệ Tổ quốc, góp phần bảo đảm giữ vững chính trị, ổn định đất nước và không tăng cường sức mạnh quân sự, quốc phòng của đất nước trong tình hình mới.

Tuy nhiên, việc giáo dục quốc phòng cho thanh thiếu niên trong những năm qua còn có những mặt hạn chế. Nhận thức của một số đoàn viên, thanh niên về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc nói chung, về công tác giáo dục quốc phòng nói riêng còn có biểu hiện chưa sâu sắc, toàn diện. Một số cán bộ, đoàn viên thanh niên nhận thức về âm mưu “Diễn biến hòa bình” và các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch chưa đầy đủ. Việc tổ chức giáo dục quốc phòng cho thanh thiếu niên ở một số nhà trường và địa phương chưa chặt chẽ, còn có biểu hiện hình thức, chạy theo thành tích; đội ngũ giáo viên chuyên trách về giáo dục quốc phòng - an ninh còn thiếu nhiều. Việc tham mưu, xây dựng, phát huy vai trò, trách nhiệm của thanh thiếu niên trong tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương, một số tổ chức Đoàn thanh niên còn hạn chế. Các hoạt động của Đoàn “vẫn chưa tạo được sự phát triển đồng đều ở các cấp, chưa phát huy được mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo của thanh niên. Công tác giáo dục của Đoàn tuy rộng nhưng chưa sâu, chất lượng của nhiều đoàn viên chưa cao; việc đoàn kết tập hợp thanh niên trên một số lĩnh vực chưa hiệu

quả”. Công tác tuyên truyền giáo dục và phát huy vai trò, sức mạnh của thanh niên chưa thật sâu sắc và thường xuyên. Nhận thức về vai trò, trách nhiệm, thái độ, động cơ, ý chí, quyết tâm và hành động thiết thực đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc ở một số thanh niên chưa cao. Đoàn Thanh niên chưa cụ thể hóa nội dung giáo dục phù hợp với các đối tượng thanh thiếu niên; việc đổi mới phương thức giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều hoạt động giáo dục chỉ đến với thanh niên tích cực. Công tác nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận trong thanh niên chưa kịp thời, còn nhiều yếu kém. Việc tổ chức các phong trào hành động cách mạng tuy diễn ra sôi nổi, đều khắp nhưng có những nơi còn mang tính hình thức, thiếu hiệu quả. Các cấp bộ Đoàn đã làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng nhưng còn lúng túng trong việc nhân ra diện rộng các điển hình tiên tiến. Việc phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông hiện đại vào công tác giáo dục chưa hiệu quả; các ấn phẩm, tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền còn thiếu, chưa sinh động, hấp dẫn. Chưa phát huy hết các điều kiện, nguồn lực, thiết chế văn hóa phục vụ cho công tác giáo dục; chưa thực sự tạo ra những trào lưu mới, tích cực trong thanh thiếu nhi.

Một số cán bộ, học sinh, sinh viên nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của môn học. Đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh còn thiếu về số lượng, phần lớn chưa được đào tạo cơ bản. Là môn học chính khóa, nhưng trên thực tế ở nhiều cơ sở giáo dục, môn học này chưa được đầu tư tương xứng. Hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh thời gian qua được xây dựng và hoạt động khá hiệu quả, song đang quá tải trước sự gia tăng lưu lượng học sinh, sinh viên hằng năm. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cũng còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu đặc thù của môn học, v.v.

Trong những năm tới, trên thế giới và khu vực, hoà bình, hợp tác và

phát triển vẫn là xu thế phát triển chung, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, khó lường. Khu vực Đông Nam Á trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm và gia tăng ảnh hưởng của các nước lớn, đồng thời xuất hiện những nhân tố bất ổn mới. Trong nước, các thế lực thù địch đang ra sức chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta bằng chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ dưới nhiều hình thức, thủ đoạn nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động, lôi kéo nhân dân, thanh niên tham gia biểu tình... trong đó, chủ yếu tập trung vào giới trẻ, hòng lung lạc niềm tin của thanh niên với Đảng, gây mất ổn định chính trị xã hội đất nước, tiến tới làm thay đổi chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, tăng cường công tác giáo dục quốc phòng cho thanh thiếu niên là yêu cầu tất yếu, cấp bách, là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thực tiễn đó đòi hỏi thanh niên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao trách nhiệm, có quyết tâm mạnh mẽ để giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đồng thời, cần phát huy vai trò của thanh niên trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đó là quá trình khơi dậy, huy động, khai thác những tiềm năng, sức mạnh to lớn trong tuổi trẻ và tạo ra những điều kiện hoạt động thuận lợi giúp thanh niên nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của mình, hình thành niềm tin, thái độ, động cơ, ý chí, quyết tâm và hành động thiết thực trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng các phương thức khác nhau, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2.3. Nguyên nhân

a. Công tác giáo dục, nâng cao ý thức dân tộc và bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên ở các bậc học phổ thông còn yếu

Thực trạng đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh: trong những năm qua các ngành chức năng, trực tiếp nhất là ngành giáo

dục - đào tạo đã có những chủ trương, giải pháp, cơ chế chính sách nhằm xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh và bước đầu đã đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên qua Tổng kết 10 năm (2001-2010) thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh đã nêu rõ “đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh còn thiếu về số lượng và bất cập về chất lượng, thực tế về số lượng, trong khi số học sinh, sinh viên ngày càng tăng nhanh, song nguồn bổ sung giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh rất hạn chế; về chất lượng hiện nay các cấp học và trình độ đào tạo của ngành giáo dục - đào tạo chưa có giáo viên chuyên trách giáo dục quốc phòng - an ninh được đào tạo cơ bản chính quy. Năm 2000 đề án “Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giáo dục quốc phòng các trường Trung học phổ thông và Trung cấp chuyên nghiệp” đã được ban hành theo Quyết định số 16/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng việc thực hiện đề án chỉ dừng lại ở mục tiêu đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng ngắn hạn 6 tháng cho giáo viên đã có một bằng đại học chuyên môn đã được biên chế hoặc hợp đồng giảng dạy ở một số trường Trung học phổ thông. Việc đào tạo theo hình thức ghép môn giáo dục quốc phòng cũng được triển khai ở một số trường đại học, trong đó giáo dục quốc phòng là ngành thứ 2 ghép với giáo dục thể chất, giáo dục công dân hoặc lịch sử. Hiện nay, số lượng giáo viên giáo dục quốc phòng được đào tạo ngắn hạn đã được biên chế ở các trường Trung học phổ thông cần phải tiếp tục đào tạo để đạt chuẩn theo quy định của Luật giáo dục. Đối với giáo viên giáo dục quốc phòng ghép môn, vì giáo dục quốc phòng được xác định là ngành thứ 2 nên giữa việc đào tạo và sử dụng để giảng dạy theo chuyên ngành giáo dục quốc phòng trên thực tế đã nảy sinh nhiều yếu tố bất cập, chưa đáp ứng thực tế yêu cầu môn học. Đối với các Trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh sinh viên và các trường đại học, cao đẳng, giảng viên giáo dục quốc phòng -

an ninh chủ yếu là sỹ quan quân đội biệt phái, song số lượng còn thiếu rất nhiều nên hàng năm số giờ giảng của giảng viên là sỹ quan biệt phái luôn vượt giờ giảng theo quy định, một số sỹ quan biệt phái lại chưa đạt chuẩn về trình độ theo quy định của Luật giáo dục nên chất lượng giảng dạy chưa cao.

Tại các trường phổ thông trung học, đội ngũ giáo viên giảng dạy môn giáo dục quốc phòng rất mỏng, có trường chỉ có một giáo viên dạy giáo dục quốc phòng tại 17 lớp, giáo viên chưa được đào tạo chuyên về môn giáo dục quốc phòng mà chỉ là đào tạp ghép: Văn – Giáo dục quốc phòng, nên có nhiều khó khăn lúng túng về phương pháp, về soạn giảng và nghiên cứu, rút kinh nghiệm giờ dạy. Giáo viên chưa nhận thức được đầy đủ, vị trí vai trò của môn học, còn xem nhẹ nên chưa chú trọng đầu tư công sức, thời gian để dạy tốt, chủ yếu chỉ đầu tư vào môn chính mình được đào tạo.

Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng-an ninh cho học sinh, sinh viên. Tuy nhiên đây là công việc không thể giải quyết một sớm, một chiều; do đó cần có lộ trình, bước đi phù hợp; quan trọng hơn cả là có hệ thống giải pháp đồng bộ, hiệu quả và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, nhà trường.

b. Sự tác động của cơ chế thị trường đến nhận thức của thanh niên, sinh viên hiện nay

Trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, cùng với những nỗ lực đầu tư huy động vốn, tri thức, một yếu tố không kém phần quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển là vấn đề đạo đức. Đặc biệt là vấn đề xây dựng đạo đức của thanh niên, bởi vì, thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, nguồn lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội, là người chủ của

đất nước quyết định sự thành bại của công cuộc phát triển kinh tế đất nước hiện tại và tương lai. Hơn nữa, so với thế hệ trung niên và thiếu niên nhi đồng, thanh niên Việt Nam hiện nay là lớp người chịu tác động mạnh mẽ nhất từ điều kiện kinh tế thị trường. Bởi vì, họ là những người sinh ra và lớn lên trong thời kỳ ở Việt Nam bắt đầu xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, hoạt động học tập, làm việc, sinh hoạt của thanh niên tiếp xúc trực tiếp với điều kiện kinh tế thị trường hơn thiếu niên nhi đồng. Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và những biểu hiện có tính chất đặc thù trong đạo đức của thanh niên cũng làm cho việc hình thành đạo đức của họ chịu sự tác động của kinh tế thị trường nhiều hơn so với các thế hệ khác.

Thực tế ở Việt Nam hiện nay, tình trạng suy thoái đạo đức diễn ra ngày càng gay gắt hơn, nhất là đối với thanh niên. Nghị quyết 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã đánh giá: *“một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa của dân tộc... tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh niên đang gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp.”* [8, tr.121]. Các hành vi lệch chuẩn, đặc biệt là những hành vi vi phạm pháp luật của thanh niên có xu hướng ngày càng gia tăng. Một số hành vi vi phạm pháp luật của thanh niên được đề cập tới như: vi phạm luật giao thông, đua xe trái phép, bạo lực trong nhà trường, thiếu tôn sư trọng đạo, cùng với một số hành vi lệch chuẩn về đạo đức khác là: sống hưởng thụ, coi nặng giá trị vật chất, đồng tiền, truy lạc sa đọa, nghiện ngập, xa hoa, lãng phí, lười lao động, thờ ơ vô cảm, vị kỷ.... Với vai trò đặc biệt quan trọng của thanh niên, nếu để tình trạng suy thoái đạo đức của thanh niên kéo dài và trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường.

Trong thời gian qua, nhiều hội thảo, công trình khoa học bàn đến vấn

đề này, góp phần khá tích cực vào việc xây dựng đạo đức của thanh niên trong điều kiện mới. Tuy nhiên, đạo đức của thanh niên vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Trong kinh tế thị trường phải đề phòng khuynh hướng, lối sống chạy theo đồng tiền. Kinh tế thị trường có khuynh hướng mở rộng các nguyên tác trao đổi thị trường ra tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đời sống cá nhân, đời sống cộng đồng, có khuynh hướng làm cho người ta coi giá trị thị trường là giá trị chân thực duy nhất dùng để đo các giá trị khác. Họ định giá trị của con người căn cứ vào của cải của người đó, từ đó tìm các quan hệ trong sự đem lại lợi ích gì cho mình, cho cá nhân mình. Từ đây mà các quan hệ tình cảm cao đẹp, ấm áp tình người có nguy cơ bị băng giá trong sự tính toán vị kỷ.

Kinh tế thị trường cũng đã kéo theo lối sống "tiền trao cháo múc", lạnh lùng, tàn nhẫn làm băng hoại đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục, tấn công vào từng gia đình, từng người. Đã có không ít hiện tượng: từ chỗ coi trọng các giá trị chính trị, xã hội sang tuyệt đối hóa các giá trị vật chất kinh tế. Từ chỗ lấy con người tập thể, con người xã hội làm mẫu mực (hy sinh vì tập thể, vì cộng đồng) là đạo đức cao nhất, sang tuyệt đối hóa con người cá nhân, thậm chí là cá nhân ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa. Từ chỗ lấy lý tưởng, đạo đức làm mẫu mực chuyên sang coi thường đạo đức, phẩm giá; tuyệt đối giá trị thực dụng, tôn sùng tiện nghi vật chất, tôn sùng đồng tiền, coi tiền là trên hết, lấy đồng tiền làm thước đo giá trị của con người.

c. Sự đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế

Kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng liên tục, tỷ lệ đói nghèo không ngừng giảm... góp phần nâng cao vị thế của dân tộc trên trường quốc tế. Tuy nhiên, sự phát triển đó vẫn chưa thật sự bền vững khi dựa trên nền tảng tinh

thần còn thiếu vững chắc. Phát triển kinh tế còn có biểu hiện coi trọng lợi ích trước mắt; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc có xu hướng chạy theo phong trào, hình thức, khuôn mẫu mà chưa tính hết tính đa dạng, làm nghèo nàn bản sắc văn hóa vốn có của các dân tộc. Từ đó dẫn đến trong đời sống xã hội, kinh tế có bước phát triển nhưng bản sắc văn hóa dân tộc lại bị mai một, mất dần hoặc lai căng một cách tự phát. Mặt khác, trong quá trình phát triển kinh tế chúng ta vẫn còn tư duy phát triển những ngành công nghiệp dựa trên khai thác tiềm năng thiên nhiên mà chưa chú trọng thích đáng đến phát triển ngành công nghiệp văn hóa. Sự trì trệ của công nghiệp văn hóa dẫn đến hệ quả "kép" về cả hiệu quả kinh tế và việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tất yếu hình thành thứ văn hóa "ăn theo", "bắt chước" văn hóa phương Tây một cách thiếu chọn lọc, tạo điều kiện cho chúng thâm nhập vào đời sống của dân tộc.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chưa được thể hiện rõ nét trong quá trình phát triển dẫn đến "sức khỏe" của nền văn hóa dân tộc chưa đủ mạnh và được tăng cường thường xuyên. Khi "sức khỏe" đời sống tinh thần của dân tộc không tốt dễ dẫn đến bị cái mới lạ từ bên ngoài "mê hoặc" một cách mù quáng, từ đó có thể có thái độ tự ti, xa rời những giá trị văn hóa dân tộc truyền thống. Đây là nguy cơ bị "hòa tan", tự đánh mất mình, mất bản sắc dân tộc trong phát triển kinh tế cũng như xây dựng nền văn hóa dân tộc.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc còn mang tính "bao cấp", dựa trên sự hỗ trợ của Nhà nước là chính mà chưa khơi dậy, phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác của các chủ thể văn hóa dân tộc.

Đầu tư cho phát triển tập trung nhiều ở phát triển kinh tế mà chưa có điều kiện đầu tư cho phát triển văn hóa nói chung, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nói riêng. Đầu tư còn thấp dẫn đến việc nghiên cứu, bảo tồn những giá trị thuộc bản sắc văn hóa dân tộc còn thiếu tính toàn diện, hoặc không kịp thời.

Sự suy thoái về lối sống, đạo đức xã hội, có nguy cơ ngày càng gia tăng, nhất là sự sa sút về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và nếp sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân; mức độ trầm trọng của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, của các tệ nạn xã hội và các tiêu cực xã hội khác. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự mất ổn định, thậm chí đe dọa sự tồn tại chế độ chính trị - xã hội.

Dân tộc Việt Nam được đánh giá là một trong những dân tộc có chí số lạc quan nhất thế giới. Thực tế đã chứng minh, tinh thần lạc quan là một trong những động lực mạnh mẽ giúp nhân dân và dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững vàng vượt qua mọi sóng gió để trường tồn đến ngày nay. Đó là một đức tính đáng quý của một dân tộc luôn đặt niềm tin vào những điều tốt đẹp nhất ở phía trước. Tuy nhiên, đôi khi sự lạc quan quá mức nếu không kiểm chế được dễ dẫn đến sự bông bột, nhẹ dạ, cả tin, nhất là lớp trẻ. Cộng với sự lạc quan quá trớn, không ít thanh thiếu niên “ham cái lạ, say cái mới” nên luôn coi những cái của người khác đều tốt hơn mình. Từ đó họ chạy theo lối sống sùng ngoại, lai căng. Do không tinh táo, sáng suốt phân biệt đâu là thật-giả, tốt-xấu, văn minh-thấp hèn, thiện-ác,... có nhiều người trẻ đã tự mình “Tây hóa” mọi thứ, từ đầu tóc, quần áo, giày dép đến mua sắm, tiêu dùng, hưởng thụ đời sống vật chất và văn hóa tinh thần.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ
TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

Trong chương 2, tác giả phân tích về vị trí, vai trò của thanh niên, sinh viên đối với công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước hiện nay, về thực trạng nhận thức tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác bảo vệ Tổ quốc của thanh niên, sinh viên.

Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó.

Bên cạnh những thành quả mà thế hệ trẻ đã đạt được trong công tác bảo vệ an ninh, quốc phòng và xây dựng Tổ quốc, vẫn còn một số thực trạng tồn đọng do ý thức kém hoặc thiếu ý thức vì họ không được trang bị đầy đủ kiến thức về vấn đề dân tộc và tình hình an ninh, quốc phòng của quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

Luận văn đã cố gắng lý giải những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.
Cụ thể:

Một là, công tác giáo dục, nâng cao ý thức dân tộc và bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên ở các bậc học phổ thông còn yếu.

Hai là, sự tác động của cơ chế thị trường đến nhận thức của thanh niên, sinh viên hiện nay

Ba là, sự đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN HIỆN NAY

3.1. CƠ SỞ KHÁCH QUAN ĐỂ XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam

Việt Nam, một dân tộc, một đất nước yêu chuộng hoà bình, yêu chuộng công lý và tiến bộ của thế giới loài người. Nhân dân Việt Nam, từng người dân hiền lành, chất phát, cần cù, chịu khó, sáng tạo trong lao động xây dựng đất nước ngày một hùng cường mà tổ tiên đã gây dựng qua bao thế hệ. Tiềm ẩn sâu lắng bên trong dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam, từng con người Việt Nam đó là lòng yêu nước nồng nàn cháy bỏng, lòng tự tôn dân tộc dâng trào, sự căm ghét tới xương tuỷ mọi sự xâm lăng, gây hấn xâm phạm chủ quyền đất nước, xúc phạm tới bản ngã tự tôn dân tộc. Truyền thống đó của dân tộc Việt Nam đã được hun đúc, tôi luyện qua các cuộc trường chinh dựng nước và giữ nước hàng mấy nghìn năm của cha ông, tổ tiên từ thừa Lạc Long Quân, Âu Cơ lên non xuống bể mở cõi, truyền thuyết Thánh Gióng tới nỏ thần các vua Hùng, Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung - Nguyễn Huệ, Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, Hà Nội 12 ngày đêm một Điện Biên Phủ trên không ghi tạc vào sử sách. Truyền thống quý báu đó của dân tộc Việt Nam sẽ được hun đúc, tôi luyện hơn nữa bởi tiếp nối lớp lớp các thế hệ con dân Việt Nam.

Với truyền thống yêu nước nồng nàn, cháy bỏng đó, với lòng yêu chuộng hoà bình, độc lập tự chủ, với sự căm ghét tột độ mọi sự xâm lăng, ách bá cường quyền mà lịch sử đã chứng minh một dân tộc Việt Nam nhỏ bé,

khiêm nhường đã đánh đuổi bao kẻ ngoại bang xâm lấn, cướp nước to lớn, hùng mạnh, tàn bạo gấp trăm nghìn lần. Kẻ thù có mạnh tới đâu, đại bác, tàu chiến có to lớn tới đâu cũng không thể khuất phục, đè bẹp được truyền thống yêu nước nồng nàn, cháy bỏng, lòng tự tôn dân tộc dâng trào của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*.

Như vậy, lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ Tổ quốc là một nền tảng tinh thần vô cùng vững chắc trong nhận thức và tình cảm của các thế hệ con người Việt Nam từ xưa đến nay. Đặc biệt, trong thời đại mới, thế hệ thanh niên, sinh viên Việt đầy nhiệt huyết, tri thức và bản lĩnh chính trị vững vàng thì công tác bảo vệ độc lập dân tộc, phát triển đất nước ngày càng được quan tâm và đi vào thực hiện đạt hiệu quả thiết thực.

3.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc là nền tảng tư tưởng, kinh chỉ nam cho hành động của Đảng, Nhà nước trong công tác giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên

Dựng nước đi đôi với giữ nước là tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh về cách mạng vô sản nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng. Tư tưởng đó là sự kết tinh những giá trị tư tưởng tiêu biểu, cách mạng của nhân loại mà cốt lõi là chủ nghĩa Mác-Lênin và truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng dựng nước đi đôi với giữ nước của Hồ Chí Minh trở thành đường lối xuyên suốt của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; bảo vệ độc lập dân tộc luôn luôn gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc vừa mang tính khoa học đúng

đấn, vừa có tính chất cách mạng, mang đậm tính nhân văn sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, độc lập dân tộc cho mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

Tư tưởng dựng nước đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng lý luận và là kim chỉ nam cho Đảng ta trong việc đề ra đường lối cách mạng qua từng thời kỳ lịch sử. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; dựng nước đi đôi với bảo vệ đất nước xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang đặt nhiệm vụ xây dựng đất nước lên hàng đầu để nhanh chóng vượt qua đói nghèo, lạc hậu. Nhưng không được mất cảnh giác, chệch hướng, không được tách rời nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tách rời dựng nước với giữ nước trên tất cả các mặt: Chính trị, kinh tế, ngoại giao...

Thấm nhuần tư tưởng của người về vấn đề dân tộc, ta càng phải phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính, tinh thần tích cực chủ động, sáng tạo và tự lực tự cường của mọi người dân Việt Nam để góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Người Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết cộng đồng, ý chí tự chủ kiên cường, sáng tạo, bất khuất, không chịu làm nô lệ, không cam phận nghèo hèn. Những phẩm chất tốt đẹp ấy đã được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, đưa đến thắng lợi vĩ đại Điện Biên và Đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, truyền thống quý báu ấy, chủ nghĩa dân tộc chân chính cần được tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ, biến nó thành một nguồn nội lực đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn thách thức, vững bước tiến lên cùng bè bạn khắp năm châu.

3.1.3. Năm vững quan điểm bảo vệ Tổ quốc của Đảng trong tình hình hiện nay

Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến hết sức phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố khó lường. Đối với nước ta, sự nghiệp đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được những thành tựu quan trọng: chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được giữ vững; nội lực, tiềm năng của đất nước lớn và còn có thể phát huy mạnh hơn; uy tín, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao; lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố, tăng cường. Đó là những thuận lợi rất cơ bản, tạo cơ sở vững chắc để chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thắng lợi mục tiêu: *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh*. Tuy nhiên, nước ta cũng đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ cuối năm 2007 đem lại; đồng thời, cũng phải thường xuyên đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” rất nguy hiểm, thâm độc của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tình hình trên đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi phải tiếp tục quán triệt và *nắm vững mục tiêu, quan điểm, phương châm chỉ đạo của Đảng về bảo vệ Tổ quốc*, được thể hiện rõ trong các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội X, Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa IX) về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*; để trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đạt hiệu quả thiết thực.

Theo tư duy mới của Đảng ta, *mục tiêu* của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay là: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh

thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo nhất quán của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng với bảo vệ và tự bảo vệ trong mọi hoạt động, mọi lúc mọi nơi, trong đó tự bảo vệ là phương thức hữu hiệu nhất để bảo vệ Tổ quốc.

Bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp trọng yếu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng; là sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; trong đó, sức mạnh trong nước với sự kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với an ninh, kinh tế, đối ngoại và các lĩnh vực khác là nhân tố quyết định. Đó còn là sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân không ngừng được củng cố, tăng cường ngay từ trong thời bình, bảo đảm đủ sức ngăn ngừa chiến tranh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước; đồng thời, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược có sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đòi hỏi phải tập trung xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện, có chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao; trong đó, phải *xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại* làm lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ BẢO VỆ TÒ QUỐC HIỆN NAY

Quán triệt quan điểm, mục tiêu: “Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị... bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời...”, cần phát huy vai trò thanh niên, sinh viên trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc với các giải pháp đồng bộ, trong đó nổi lên là:

3.2.1. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền cho thanh niên hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”

Đây được xem là chủ đề năm thứ hai của cuộc vận động, vì cuộc vận động gắn với kỷ niệm 40 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hiện nay.

Với mục đích của việc vận động là phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; phát huy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tập thể, đẩy mạnh tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, chống chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, cục bộ, địa phương; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức có phẩm chất đạo đức cách mạng, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang trong giai đoạn cách mạng mới; đưa cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đi vào chiều sâu, đẩy mạnh việc “Làm theo Bác” trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thanh niên, sinh viên hôm nay được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, thống nhất nhưng phải nên luôn luôn suy nghĩ, trăn trở với trách nhiệm của mình trước những thời cơ và thuận lợi với thử thách và khó khăn đang đặt

ra cho sự phát triển đi lên của đất nước. Câu hỏi đặt ra là: mỗi đoàn viên thanh niên, sinh viên làm gì và làm như thế nào để *“Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”*? Qua đó, phát huy được truyền thống cao đẹp, sự kỳ vọng tin tưởng của Đảng, của Bác Hồ và của nhân dân, để xứng đáng là lớp người kế thừa xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, khẳng định vai trò xung kích của tuổi trẻ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục lý tưởng và bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ chính là tạo lập nền tảng vững chắc cho thanh niên làm chủ tương lai nước nhà, đưa thanh niên vào cuộc sống chiến đấu, lao động, học tập của toàn dân do Đảng lãnh đạo. Trong truyền thống vẻ vang của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, tuổi trẻ Việt Nam đã tô thắm lá cờ Đoàn với phong trào *“Ba sẵn sàng”* thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong thời kỳ mới của cách mạng là các phong trào thanh niên *“lập thân, lập nghiệp”*, *“thanh niên tình nguyện”*, *“tuổi trẻ giữ nước”* *“mùa hè xanh”*, *“đền ơn đáp nghĩa”*, bảo vệ môi trường sống, bảo vệ chủ quyền biển, đảo... và mới đây là cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* đã có tác dụng và ý nghĩa to lớn đối với việc bồi dưỡng lý tưởng và đạo đức cách mạng cho các thế hệ thanh niên Việt Nam. Bằng những hoạt động thực tế của thanh niên, các cấp ủy đảng đã lựa chọn được nhiều thanh niên đủ phẩm chất và năng lực để kết nạp vào Đảng, tiếp tục bồi dưỡng đào tạo để gánh vác công việc trong hệ thống chính trị và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Các phong trào của thanh niên còn góp phần nâng cao tính tích cực cho thế hệ trẻ tham gia vào các hoạt động cộng đồng, làm các việc khó khăn, đến với đồng bào vùng cách mạng và dân tộc thiểu số, đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật, kiến thức mới vào đời sống nhân dân, tạo môi trường cho thanh niên học tập nhân dân, giúp đỡ người nghèo và đền ơn

người có công với cách mạng, góp phần giáo dục lòng yêu nước, thương yêu đồng bào, đẩy lùi thói hư tật xấu trong xã hội và trong một bộ phận lớp trẻ có quan niệm và lối sống tiêu cực.

3.2.2. Cung cấp kiến thức mới nhất về thời sự chính trị an ninh quốc phòng, đặc biệt là vấn đề chủ quyền biển, đảo hiện nay

Thứ nhất, thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức cho thanh niên, sinh viên về vai trò, trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Đây là vấn đề cơ bản đầu tiên nhằm giúp thanh niên nâng cao nhận thức và xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Nội dung giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho thanh niên cần toàn diện; trong đó, tập trung quán triệt quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, trực tiếp là bảo vệ chủ quyền biển, đảo được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về *Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020*, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Luật Biển Việt Nam... Qua đó, giúp thanh niên nhận thức rõ tầm quan trọng của biển, đảo, ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ to lớn của mình trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, giáo dục thanh niên (nhất là học sinh, sinh viên) nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ đúng sai, không để các thế lực thù địch lấy danh nghĩa bảo vệ Trường Sa, Hoàng Sa để lợi dụng lôi kéo vào các hoạt động gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phá hoại mối quan hệ với các nước láng giềng.

Trong quá trình bồi dưỡng nâng cao nhận thức, cần đa dạng hóa hình thức, phương pháp cho phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, từng đối tượng và thường xuyên bổ sung, phát triển đáp ứng thực tiễn nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần phát huy vai trò các tổ chức, đoàn thể, nhất là đoàn thanh niên, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp

trong công tác tuyên truyền và gắn kết chặt chẽ với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong thanh niên để giáo dục họ. Để nâng cao hiệu quả giáo dục và tăng tính hấp dẫn đối với thanh niên, nên đa dạng các hình thức, như: giáo dục truyền thống, các bài học kinh nghiệm và gương các anh hùng trong kháng chiến chống xâm lược... Thông qua các cuộc vận động và chương trình hành động của thanh niên với cách làm thiết thực, như: “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, “Tuổi trẻ giữ nước”, “Năm xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, “Nghĩa tình biên giới, hải đảo”, “Vi Trường Sa thân yêu”, “Góp đá xây Trường Sa”, “Đồng hành cùng ngư dân trẻ ra khơi”, “Tuổi trẻ hướng về biển, đảo của Tổ quốc” và “Phấn đấu xứng danh Bộ đội Cụ Hồ” của thanh niên quân đội... Phối hợp giữa các cấp, ngành, tổ chức đoàn thể, gia đình, nhà trường, xã hội (nhất là Đoàn Thanh niên) và các hoạt động văn hoá, các phương tiện thông tin đại chúng tạo sức mạnh tổng hợp để phát huy vai trò xung kích, sáng tạo, tinh thần tình nguyện, khơi dậy tiềm năng to lớn của các tầng lớp thanh niên... tạo ra môi trường lành mạnh để thanh niên tự rèn luyện, tìm được lẽ sống cao đẹp cho mình, hướng họ chung sức bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Các cấp bộ Đoàn cần chú trọng tổ chức các hoạt động thi tìm hiểu, tọa đàm về chủ quyền biển, đảo trong thanh niên bảo đảm thiết thực, chất lượng tốt; tăng cường tổ chức cho thanh niên đi thăm và tiến hành các hoạt động nghiên cứu thực tế trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc. Thông qua đó, giúp thanh niên nhận thấy những giá trị to lớn của biển, đảo Việt Nam nên phải ra sức bảo vệ.

Thứ hai, củng cố niềm tin, thái độ, động cơ và ý chí bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc ngày càng bền vững trong thanh niên. Niềm tin, thái độ, động cơ và ý chí là những phẩm chất bên trong của mỗi thanh niên, nó rất cần thiết và không thể thiếu, nhằm giúp họ thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nếu không có niềm tin, thái độ, động cơ và ý chí thì không thể làm được bất

cứ việc gì, chưa nói đến bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, cần hướng cho thanh niên có niềm tin, thái độ, động cơ và ý chí bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc một cách bền vững. Theo Hồ Chí Minh, thanh niên muốn làm chủ nước nhà phải luôn nêu cao cảnh giác cách mạng và “không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập” [16]. Vì thế, ngay từ bây giờ, thanh niên phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải có niềm tin, thái độ, động cơ đúng, ý chí vững vàng để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu vươn lên, gương mẫu trong công tác và học tập, nêu cao ý chí chiến đấu, tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy tính sáng tạo và ý chí quật cường, vượt mọi khó khăn, gian khổ và có quyết tâm lớn để đưa cách mạng đến thành công, dù đó là công việc rất khó khăn.

Để củng cố niềm tin, thái độ, động cơ và ý chí cho thanh niên, phải tăng cường công tác tuyên truyền để thanh niên thấy rõ thực lực, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của ta; nắm vững tư tưởng, phương châm chỉ đạo giải quyết các vấn đề về biển, đảo của Đảng. Qua đó, giúp cho thanh niên có nhận thức đúng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng trong giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ quyền quốc gia, nhất là vấn đề biển, đảo, củng cố niềm tin, ý chí, tình cảm, thái độ và động cơ đúng ở tuổi trẻ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Cần giúp thanh niên loại bỏ những thói quen trong nhận thức, thái độ, động cơ không phù hợp để tạo nên những phẩm chất mới ngày càng ổn định, bền vững trong tâm thức, lý tưởng của họ, từng bước tạo nên sự thay đổi về chất trong thanh niên về niềm tin, thái độ, động cơ đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, để họ thực sự là một lực lượng to lớn và vững chắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi thông tin, tuyên truyền, cần làm cho thanh niên vừa nhận thấy tính chất phức tạp của nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, vừa nhận thấy nhân dân ta, đất nước ta có đủ ý chí, quyết tâm và sức mạnh tổng hợp để

bảo vệ vững chắc biển, đảo của mình. Từ đó, củng cố thêm niềm tin, thái độ, động cơ và ý chí vững vàng cho thanh niên, giúp họ phát huy trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Thứ ba, chú trọng xây dựng quyết tâm cao, định hướng hành động thiết thực trong thanh niên đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đây là mục tiêu, là đích hướng tới của quá trình phát huy vai trò thanh niên trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Trên cơ sở nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm và củng cố được niềm tin, thái độ, động cơ, ý chí vững vàng, phải làm cho thanh niên phát huy cao nhất vai trò, trách nhiệm thông qua hiện thực hóa những giá trị đó thành quyết tâm và hành động cụ thể, thiết thực trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Để xây dựng quyết tâm cho thanh niên, cần làm cho thanh niên thấy được sự khó khăn, gian khổ đối mặt với nguy hiểm, sự phức tạp và khắc nghiệt của các hoạt động trên biển, đảo... Điều đó đòi hỏi thanh niên phải dũng cảm, mưu trí, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, sẵn sàng hy sinh xương máu, kiên quyết đứng lên bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mình.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người về thăm Bộ đội Hải quân (năm 1961): “Ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”. Từ đó, phải chú ý đến xây dựng quyết tâm và định hướng hành động cho thanh niên, nhất là các lực lượng trực tiếp ngày đêm bám trụ hoạt động, canh giữ, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, bồi dưỡng phương pháp xử lý các tình huống nhạy cảm trên biển, đảo theo đúng tư tưởng chỉ đạo, bảo đảm linh hoạt, sáng tạo, sắc sảo, nhạy bén, kiên trì, thận trọng... không bị rơi vào cạm bẫy của đối phương, để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, song cũng sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

3.2.3. Sử dụng có hiệu quả các kênh truyền hình thông đại chúng dành cho giới trẻ

Hình thức tuyên truyền, giáo dục quốc phòng an ninh tới đông đảo dân cư, đặc biệt là thế hệ trẻ nên được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các buổi sinh hoạt cộng đồng dân cư ở thôn, xã phường, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể, hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao và thông qua các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống. Cần nhấn mạnh vai trò của Đoàn Thanh niên các cấp cơ sở vì đây là tổ chức tập hợp thanh niên đông đảo nhất; các đoàn viên ưu tú vừa là những người được trang bị nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ, trách nhiệm của thanh niên, vừa là đội quân xung kích trên mặt trận tuyên truyền về ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc của thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể:

Một là, tăng cường thông tin truyền thông, giáo dục kiến thức pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức của mỗi người dân, khen thưởng kịp thời đối với những gương điển hình tiên tiến trong thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh. Khuyến khích hình thức gặp gỡ, tọa đàm, phỏng vấn các nhân chứng lịch sử.

Hai là, tiếp tục lồng ghép những nội dung về kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh trong các chương trình tuyên truyền nhân các ngày kỷ niệm lớn của đất nước như: Cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh 02/9; thành lập Công an nhân dân, ngày hội quốc phòng toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 19/8; thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày quốc phòng toàn dân 22/12... góp phần giáo dục cho toàn dân, nhất là thế hệ trẻ về lòng yêu nước, tự hào và tự tôn dân tộc.

Ba là, thông qua gương người tốt, việc tốt trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh để nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Bốn là, các tác phẩm nghệ thuật về hình ảnh, phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, lịch sử, truyền thống cách mạng dân tộc, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, các quân, binh chủng thuộc Bộ Quốc phòng; các Tổng cục, đơn vị thuộc Bộ Công an.

Năm là, phim Tài liệu, Phóng sự: thực hiện một số phim Tài liệu, Phóng sự về lịch sử cách mạng Việt Nam, chân dung Bộ đội Cụ Hồ, những điển hình tiên tiến của lực lượng vũ trang thực hiện việc "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Sáu là, thực hiện chương trình ca nhạc, sân khấu hóa, phim truyện với chủ đề lịch sử, giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc.

3.2.4. Triển khai môn học giáo dục quốc phòng với nội dung kiến thức phù hợp cho thanh niên, sinh viên

Giáo dục quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ cần thiết giúp thế hệ trẻ hiểu hơn về lịch sử dân tộc và ý thức bảo vệ Tổ quốc. Lồng ghép kiến thức giáo dục an ninh quốc phòng vào chương trình học phổ thông phải được thực hiện khoa học và góp phần nâng cao kiến thức của học sinh về chủ quyền quốc gia cũng như ý thức bảo vệ Tổ quốc. Đó là nội dung được nhiều đại biểu Quốc hội thảo luận tại hội trường chiều 29/5/2013 về Dự thảo Luật Giáo dục quốc phòng - an ninh.

Bên cạnh đó, cần tích cực đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên. Đây là yêu cầu khách quan, là biện pháp quan trọng để đảm bảo công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đạt hiệu quả thiết thực. Thời gian qua, các bộ, ban, ngành có liên quan đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành hệ thống chương trình, giáo trình, tài liệu giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên tương đối đồng bộ. Tuy nhiên, do sự phát triển của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, một số nội dung, chuyên đề cần được sửa đổi, bổ sung cho sát với thực tế. Năm 2012, Bộ

&ĐT đã ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên. Đây là cơ sở để xây dựng chương trình giáo dục hằng năm phù hợp với thực tế của từng cơ sở giáo dục. Việc đổi mới nội dung, chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên phải được thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội XI của Đảng: *“tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh cho mọi người hiểu rõ những thách thức lớn tác động đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới”*. Trong đó, cần giáo dục một cách toàn diện, cụ thể hơn về chiến lược “Điễn biến hòa bình”, những thách thức mới trong điều kiện hội nhập toàn diện với quốc tế (thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống), về chiến tranh dịch sử dụng vũ khí công nghệ cao... Qua đó, giúp học sinh, sinh viên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nắm chắc các hình thức, biện pháp phòng, chống có hiệu quả với những tác động xấu, không để “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống.

Các cơ sở giáo dục cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy môn học theo hướng tăng hiệu quả thực tiễn đối với học sinh, sinh viên, phù hợp với điều kiện của từng cơ sở; đồng thời, coi trọng khắc phục những hạn chế do tính đặc thù của môn học giáo dục quốc phòng - an ninh. Từng chuyên đề giáo dục cần sử dụng đa dạng các hình thức, biện pháp để tạo sự sinh động, hấp dẫn, bớt đi sự “khô cứng” của môn học. Cần kết hợp nhuần nhuyễn, tăng cường các bài giảng tích hợp hiệu quả giữa lý thuyết với thực hành, giữa học chính khóa với hoạt động ngoại khóa; ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ vào giảng dạy, khắc phục triệt để tình trạng “dạy chay, học chay”. Coi trọng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, như: giao lưu, kể chuyện truyền thống, các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, tham gia các hoạt động “Đền ơn đáp

nghĩa”, “xóa đói giảm nghèo”, xây dựng nông thôn mới... Đồng thời, coi trọng phòng, chống có hiệu quả các sản phẩm và lối sống văn hóa độc hại nhằm làm phai nhạt mục tiêu, lý tưởng, tha hóa đạo đức, lối sống và mất dần bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3.2.5. Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài

Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh là yêu cầu khách quan, là yếu tố cơ bản trong hoạt động dạy - học, quyết định chất lượng, hiệu quả môn học. Chừng nào chúng ta chưa có đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh được đào tạo cơ bản, chính quy thì chừng ấy giáo dục quốc phòng-an ninh chưa thể trở thành môn học chính khóa theo đúng nghĩa, và chúng ta cũng chưa thực hiện triệt để mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ một cách toàn diện. Đến nay, cả nước có trên 9.000 giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh; trong đó, có hơn 40% được đào tạo ngắn hạn, còn lại chỉ qua tập huấn, bồi dưỡng và là sĩ quan Quân đội biệt phái. Thực hiện Quyết định số 472/QĐ-TTg, ngày 12-4-2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng-an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề giai đoạn 2010 - 2016”, các cơ sở giáo dục cần rà soát, đánh giá một cách toàn diện về số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng phù hợp. Ngày 19-11-2012, Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT, quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng-an ninh. Theo đó, yêu cầu đội ngũ giáo viên, giảng viên *phải có lý lịch rõ ràng, tuổi đời và sức khỏe phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; có tinh thần trách nhiệm của người thầy, người cán bộ quản lý giáo dục và người chỉ huy; có trình độ chuyên môn được đào tạo theo quy định hiện hành. Cụ thể,*

giáo viên giảng dạy tại các trường trung học phổ thông phải được đào tạo chuyên ngành giáo dục quốc phòng-an ninh trình độ đại học, hoặc cử nhân sư phạm, có chứng chỉ giáo viên giáo dục quốc phòng-an ninh, cử nhân sư phạm giáo dục quốc phòng-an ninh ghép môn; giảng viên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung tâm giáo dục quốc phòng-an ninh phải được đào tạo đúng chuyên ngành, có trình độ đại học trở lên; giảng viên là sĩ quan Quân đội biệt phái có trình độ đại học trở lên, được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Đồng thời, Thông tư cũng nêu rõ: các trường thực hiện các chế độ đối với đội ngũ giáo viên, giảng viên này như giáo viên, giảng viên của môn học khác; riêng giảng viên là sĩ quan Quân đội biệt phái do cơ quan, đơn vị biệt phái sĩ quan và các trường quản lý theo quy định của Chính phủ về biệt phái sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Các cơ sở giáo dục cần xây dựng quy hoạch nguồn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh, kết hợp việc đào tạo nguồn cơ bản (cử nhân giáo dục quốc phòng-an ninh) và đào tạo văn bằng 2, phần đầu đến năm 2020 có đủ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng-an ninh đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục.

3.2.6. Đẩy mạnh hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng của Đoàn thanh niên đối với thanh niên, sinh viên

Để công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống đạt được kết quả tích cực hơn trong thời gian tới, Đoàn thanh niên tập trung các giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện những tiêu chí cụ thể để rèn luyện trong từng đối tượng đoàn viên, thanh niên và xem đây là công việc thường xuyên hàng ngày của mỗi người.

Thứ hai, tăng cường quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến kiến thức về pháp luật, lý luận chính trị, kiến thức và các kỹ năng xã hội cho đoàn viên, thanh thiếu niên.

Thứ ba, thường xuyên phát hiện người tốt, việc tốt, nêu gương điển hình, xây dựng và nhân rộng những tấm gương tiêu biểu, lấy “xây” để “chống”, làm cho các giá trị tốt đẹp có sức lan tỏa trong cộng đồng thanh niên. Phát huy hiệu quả hệ thống báo chí, xuất bản của Đoàn cũng như của các đơn vị khác để làm tốt hơn công tác tuyên truyền, giáo dục thanh thiếu niên.

Thứ tư, bản thân tổ chức Đoàn cần tự đổi mới mình làm cho phong trào của Đoàn có sức hấp dẫn hơn đối với thanh niên, qua đó, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, đưa thanh niên vào tổ chức Đoàn, tổ chức Hội và các phong trào, hoạt động của đoàn, Hội, xem đây là môi trường để giáo dục, rèn luyện thanh thiếu niên. Thực tiễn cho thấy, giáo dục Đoàn viên thanh niên thông qua các phong trào lớn và hành động cụ thể mang lại hiệu quả thiết thực và bền vững

Mặt khác, giáo dục thanh niên không phải là nhiệm vụ riêng của Đoàn, mà cần sự vào cuộc, chung tay, chung sức của các cấp, các ngành, gia đình, nhà trường, xã hội. Do vậy, các cấp, các ngành chức năng cần tăng cường công tác quản lý văn hóa, kịp thời ngăn chặn tác động xấu của các sản phẩm không lành mạnh đến thanh niên. Tạo điều kiện, khuyến khích để các cơ quan văn hóa, văn học nghệ thuật, điện ảnh... sáng tác và phổ biến nhiều công trình, tác phẩm có giá trị giáo dục tốt cho thanh thiếu niên. Đồng thời siết chặt quản lý với những ấn phẩm, trang mạng, game online có nội dung không lành mạnh, ảnh hưởng không tốt đến thanh thiếu niên. Tấn công mạnh mẽ vào các loại tội phạm, tệ nạn xã hội để tạo ra một môi trường xã hội lành mạnh hơn cho tuổi trẻ. Quan tâm đầu tư thỏa đáng những thiết chế văn hóa để đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho thanh thiếu niên. Ngành giáo dục cần có những biện pháp hữu hiệu trong việc ngăn chặn tình trạng gian lận trong thi cử, đảm bảo dân chủ, công bằng, bình đẳng trong giáo dục đi đôi với đẩy mạnh công

tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tu dưỡng, rèn luyện của học sinh, sinh viên; chống bạo lực học đường, đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; tăng cường đầu tư, đổi mới nội dung giáo dục thể chất, kỹ năng xã hội, các hoạt động vui chơi giải trí cho học sinh, sinh viên.

Đảng ta xác định công tác thanh niên là công tác chiến lược có ý nghĩa sống còn của dân tộc. Tăng cường công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay là một trong những yêu cầu quan trọng trong công tác giáo dục thanh niên của Đoàn. Ngoài vai trò nòng cốt của tổ chức Đoàn, cần có sự vào cuộc tích cực, khẩn trương của cả hệ thống chính trị để đảm bảo xây dựng được một lớp thanh niên “vừa hồng, vừa chuyên”, đủ sức gánh vác những nhiệm vụ lớn lao của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3
CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC DÂN TỘC, BẢO VỆ
TỔ QUỐC CHO THANH NIÊN, SINH VIÊN
HIỆN NAY

Từ thực trạng nhận thức của thanh niên, sinh viên cũng như thực trạng của công tác giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay, tác giả đã đề xuất xây dựng các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác giáo dục ý thức dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho thế hệ trẻ.

Cụ thể, tác giả đã đưa ra sáu giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền cho thanh niên hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Thứ hai, củng cố kiến thức mới nhất về thời sự chính trị an ninh quốc phòng, đặc biệt là vấn đề chủ quyền biển, đảo hiện nay.

Thứ ba, sử dụng có hiệu quả các kênh truyền hình thông đại chúng dành cho giới trẻ.

Thứ tư, triển khai môn học giáo dục quốc phòng với nội dung kiến thức phù hợp cho thanh niên, sinh viên.

Thứ năm, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Thứ sáu, đẩy mạnh hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng của Đoàn thanh niên đối với thanh niên, sinh viên.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Dựa trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, dựa vào sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới và Cách mạng Nga, phân tích hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc, V. I. Lênin đã khái quát thành “Cương lĩnh dân tộc” của chủ nghĩa Mác – Lênin với ba nội dung chính: Thứ nhất, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng. Thứ hai, các dân tộc được quyền tự quyết. Thứ ba, liên hiệp các công dân tất cả các nước lại. Có thể nói rằng, “Cương lĩnh dân tộc” của chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở lý luận của đường lối, chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Cương lĩnh dân tộc đó đã được Hồ Chí Minh học tập và vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã luôn coi trọng vấn đề dân tộc và gắn chặt với vấn đề giai cấp, vấn đề giải phóng xã hội, đồng thời Đảng đã khẳng định rằng đất nước ta là một khối thống nhất không thể chia cắt được, nhân dân ta sinh ra dù từ các dân tộc khác nhau nhưng đều là anh em một nhà, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết đánh và giữ vững độc lập tự do, thống nhất đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho mọi người dân là một nội dung cấp bách hiện nay. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là nhiệm vụ “trọng yếu thường xuyên” của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới đòi hỏi rất cao ý thức trách nhiệm công dân của mỗi con người. Ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không những trực tiếp nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý chí quyết tâm bảo

vệ Tổ quốc, mà còn định hướng, điều chỉnh hành vi của con người trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Trong mỗi giai đoạn khác nhau, vấn đề giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đặt ra có sự khác nhau. Trong tình hình mới, giáo dục nâng cao ý thức quốc phòng, ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho mọi tầng lớp nhân dân là vấn đề rất quan trọng và cấp thiết, đặc biệt đối với thế hệ trẻ, những thanh niên, sinh viên Việt Nam mang trong mình lòng tự hào dân tộc, kế tục sự nghiệp cách mạng của cha ông ta đi trước, tiếp thu truyền thống yêu nước và kho tàng tri thức văn minh của nhân loại. Vấn đề là ở chỗ công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, khơi dậy lòng tin vào sự nghiệp cách mạng, vào đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cần phải được thực hiện đồng bộ, có phương pháp khoa học đạt hiệu quả cao, góp phần tích cực để thế hệ trẻ nhận thấy vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Kiến nghị và đề xuất

Để tăng cường công tác giáo dục quốc phòng cho thanh, thiếu niên trong tình hình mới, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về quốc phòng - an ninh, trọng tâm là Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; Nghị định số 116/2007 - NĐ/CP của Chính phủ ngày 10/7/2007 về giáo dục quốc phòng - an ninh; tập trung làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trước hết là cấp ủy đảng, chính quyền và của cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu niên đối với công tác giáo dục quốc phòng, nâng cao ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ, nâng cao trình độ về kiến thức quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Hai là, đổi mới toàn diện nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục quốc phòng cho thanh thiếu niên nhằm đáp ứng tốt với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nội dung giáo dục quốc phòng phải được tiến hành toàn diện, đồng bộ, có chiều sâu. Tập trung tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, truyền thống cách mạng, nghệ thuật quân sự Việt Nam; quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; các kiến thức, kỹ năng cơ bản của hoạt động quân sự quốc phòng; giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch; giáo dục để mọi người hiểu rõ những thách thức to lớn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới... Hình thức, phương pháp giáo dục quốc phòng cần phong phú, sinh động, linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng; gắn với các phong trào, các cuộc vận động của tuổi trẻ để thu hút đông đảo thanh, thiếu niên tham gia, tạo ra hoạt động sôi nổi, có sức lan tỏa mạnh mẽ, có chiều sâu và hiệu quả thiết thực đối với việc tăng cường quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp; sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; phát huy tốt vai trò chỉ đạo, điều hành của Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh các cấp nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác giáo dục quốc phòng cho thanh thiếu niên. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp giữa Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với Quân đội, Công an, các Ban, Bộ, Ngành Trung ương trong chỉ đạo và điều hành, tổ chức thực hiện tốt chương trình giáo dục quốc phòng an ninh cho các đối tượng, nhất là cho sinh viên, học sinh các trường phổ thông, cao đẳng, đại học trong cả nước. Tuổi trẻ quân đội tiếp tục tổ chức tốt các chương trình, các phong trào, các cuộc vận động to lớn nhằm thu hút đông đảo thanh niên trong và ngoài quân đội tham gia, phát huy tốt vai trò là trường học lớn

của Đoàn thanh niên và quân đội trong bồi dưỡng, rèn luyện, giáo dục quốc phòng, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, phát huy tốt vai trò tự giác, xung kích, sáng tạo của thanh thiếu niên trong tham gia thực hiện công tác giáo dục quốc phòng. Mỗi cán bộ, đoàn viên, thanh niên phải tự giác, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục quốc phòng, coi đây là quyền lợi, là trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trong quá trình thực hiện, cần linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp hoạt động mới, có hiệu quả, thu hút được đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia, đồng thời lôi cuốn được các tầng lớp nhân dân trong địa phương để tạo hiệu quả to lớn, nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng trong toàn xã hội.

Năm là, phát huy tốt vai trò của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong tập hợp, đoàn kết thanh niên tham gia xây dựng địa bàn, cơ sở chính trị vững mạnh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ ở địa phương; chú trọng nâng cao chất lượng của các tổ chức Đoàn thanh niên ở các khu vực trọng yếu, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa... Kết hợp chặt chẽ giữa việc đẩy mạnh xây dựng ý thức quốc phòng với việc chủ động phát hiện các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, kiên quyết không để kẻ thù lôi kéo thanh niên tụ tập, tham gia vào các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và nhân dân. Phát huy có hiệu quả các phương tiện truyền thông của Đoàn thanh niên trong công tác tuyên truyền về giáo dục quốc phòng; đồng thời chủ động, tham gia đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; củng cố và xây dựng niềm tin của thế hệ trẻ với Đảng, với thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban văn hóa tư tưởng Trung ương (2002), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Ban tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Lưu Gia Ban (2002), *Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Bộ giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Bộ giáo dục và đào tạo (2005), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Phan Hữu Dật (2000), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề dân tộc hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện đại hội đảng từng thời kỳ đổi mới (VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9]. Võ Nguyên Giáp (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Hoàng Mai Hương, Nguyễn Hồng Hải (2010), *Tư tưởng của V.I. Lênin về quyền con người và giá trị thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [11]. Nguyễn Tấn Hưng (2007), *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin và ảnh hưởng của nó đối với việc hình thành tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam*, Tạp chí triết học, số 9, tháng 9.
- [12]. Đặng Xuân Kỳ (1990), *Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
- [13]. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 24, Nxb Tiến bộ Maxcova, Hà Nội.
- [14]. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 25, Nxb Tiến bộ Maxcova, Hà Nội.
- [15]. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 27, Nxb Tiến bộ Maxcova, Hà Nội.
- [16] Lê Tuấn Loan (2013), *Phát triển một cách khoa học theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Cộng sản số ra ngày 3/7/2013.
- [17]. Nguyễn Ngọc Long (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ dân tộc và giai cấp*. Nxb Thông tin liên lạc, Hà Nội.
- [18]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19]. C.Mác và Ph.Ăng ghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [20]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 19, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [22]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 31, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [23]. C.Mác và Ăngghen (2009), *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [24]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [25]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [26]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [27]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [28]. Song Thành (2005) *Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng lỗi lạc*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [29]. Đỗ Tư (1988), *Chính sách Lênin nit về dân tộc cách mạng*, Tạp chí Dân tộc học số 3. Hà Nội.
- [30]. Nguyễn Bằng Tường (2010), *Giới thiệu tác phẩm nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước của Ăngghen*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [31]. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Hồ Chí Minh (1992), *Hồ Chí Minh biên niên sử*, tập 1, Nxb Thông tin liên lạc, Hà Nội.
- [32]. Xtalin (1962), *Vấn đề dân tộc và thuộc địa*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr43
- [33]. <http://doanthanhvien.vcu.edu.vn/>

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 7520/QĐ-ĐHĐN ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận học viên cao học trúng tuyển;

Xét Công văn số 192/ĐHKT-SDH ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc đề nghị ra Quyết định giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho học viên cao học **Tiêu Lan Hương**, lớp K24.TRI.BĐ, chuyên ngành *Triết học*, thực hiện đề tài luận văn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và việc giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên, sinh viên hiện nay*, dưới sự hướng dẫn của *TS. Nguyễn Văn Thanh*, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Học viên cao học và người hướng dẫn có tên ở Điều 1 được hưởng các quyền lợi và thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Đà Nẵng.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, các Ban hữu quan, người hướng dẫn luận văn và học viên có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

GIÁM ĐỐC *TS*



Trần Văn Nam
PGS.TS. Trần Văn Nam

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, Ban ĐTSĐH.

